



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

2022 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 105, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 3822 368

Website: dulichdongnai.com

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Các giải thưởng tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Định hướng phát triển
Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động SXKD trong năm 2022
Tổ chức nhân sự
Chính sách nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD trong năm 2022
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai

4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

Yến kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính





THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
Tên viết tắt: DONATOURS
Tên Tiếng Anh: DONG NAI TOURIST JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu: DNT
Vốn điều lệ: 74.596.750.000 đồng
Trụ sở chính: 105, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: (0251) 3822 368
Fax: (0251) 3822 885
Email: dnt@donatours.vn
Website: www.dulichdongnai.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4703000307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/02/2006; số 3600276414 thay đổi lần thứ 05 ngày 02/12/2016.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GIẢI ĐOẠN TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

Trước năm
1976

Công ty có tên ban đầu là Ban Giao Tế, nằm trên địa bàn thị xã Vũng Tàu, có nhiệm vụ chính là đón tiếp khách của tỉnh. Lượng khách du lịch, tham quan ở đây phần lớn là từ Liên Xô và các nước Đông Âu cũ.

Năm
1976

Ngày 01/06/1976 đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh nói chung và của ngành du lịch nói riêng. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 121/QĐ-UBT thành lập công ty với tên gọi Công ty Du lịch Đồng Nai.

Năm
1979

Tháng 05/1979, thị xã Vũng Tàu tách ra khỏi tỉnh Đồng Nai, thành lập đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo theo quyết định của Quốc Hội.

Toàn bộ cơ sở vật chất, hạ tầng được bàn giao cho đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo và địa chỉ Công ty dời về số 105, quốc lộ 1, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa. Ở đây, Công ty được UBND tỉnh giao cho các cư xá Mỹ và các cơ sở tư nhân để hoạt động.

Năm
1991

Tháng 11/1991 Quốc Hội tách huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc ra khỏi tỉnh Đồng Nai, kết hợp 3 huyện này với thị xã Vũng Tàu thành lập ra tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng không nhỏ do phải bàn giao tuyến du lịch Long Hải cùng với toàn bộ vật chất mà công ty đã tập trung đầu tư phần lớn nguồn lực.

Đầu năm
1992

Do phần lớn cơ sở vật chất đều phải xây dựng lại từ đầu nên công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường cũng gây trở ngại cho công ty.

Năm
1992

Ngày 01/06/1992 theo Nghị định 388/NĐ-CP của Chính phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Công ty Khách sạn Ăn uống Đồng Nai đã được sát nhập với Công ty Du lịch Đồng Nai. Do đó, ngày 25/09/1992 UBND tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 1231/QĐ-UBT thành lập lại Công ty Du lịch Đồng Nai.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm
2005

Ngày 20/09/2005 UBND tỉnh ra Quyết định số 3238/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.

Ngày 15/12/2005, tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.092.300 cổ phần và đấu giá thành công bình quân là 10.727 đồng/cổ phần.

Năm
2006

Ngày 20/01/2006, tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thành lập.

Ngày 17/02/2006, Công ty Du lịch Đồng Nai được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2006 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp với vốn điều lệ là 64.300.000.000 đồng (vốn thực góp là 50.327.000.000 đồng)

Năm
2007

Ngày 24/07/2007, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất.

Ngày 20/08/2007, Công ty đã đăng ký UBCKNN trở thành công ty đại chúng.

Đầu năm
2009

Ngày 23/07/2009, Công ty VSD cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 35/2009/GCNCP-TTLK, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.032.700 cổ phiếu.

Ngày 05/08/2009, CTCP Du lịch Đồng Nai được đăng kí giao dịch 5.032.700 cổ phiếu trên thị trường UPCOM theo thông báo chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Năm
2010

Ngày 21/12/2010 Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 360027614, thay đổi tỷ lệ vốn góp của các cổ đông và bổ sung ngành kinh doanh và bổ sung thêm các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Năm
2014

Ngày 07/08/2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận hủy Công ty đại chúng theo Công văn số 4509/UBCK-QLPH của UBCKNN.

Ngày 22/08/2014, Công ty được VSD chấp thuận hủy Giấy đăng kí chứng khoán theo thông báo 1525/TB-VSD với toàn bộ cổ phiếu của công ty.

Ngày 12/09/2014 toàn bộ cổ phiếu của công ty hủy đăng ký giao dịch theo Quyết định số 434/QĐ-SDGHN ngày 14/08/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng tại Luật chứng khoán quá thời hạn một năm kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng.

Năm
2016

Ngày 15/04/2016, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ tư về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 02/12/2016, công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm về thay đổi người đại diện pháp luật của công ty.

Năm
2019

Ngày 09/10/2016, Công ty được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 6089/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Đầu năm
2020

Ngày 06/01/2020, Công ty được VSD cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 02/2020/GCNCP-VSD với tổng số lượng đăng ký là 7.459.675 cổ phiếu.

Ngày 24/02/2020 là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu CTCP Du lịch Đồng Nai trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu là 11.100 đồng/cổ phiếu.

**GIAI ĐOẠN
SAU
CỔ PHẦN
HÓA**



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Kinh doanh chủ yếu trong các lĩnh vực:

Dịch vụ nhà hàng, khách sạn;

1
2
3
4

Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;

Dịch vụ sinh thái; Cơ sở lưu trú;

Vận chuyển hành khách đường bộ; Thương mại tổng hợp.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Chủ yếu là tỉnh Đồng Nai, ngoài ra còn hoạt động ở các vùng lân cận

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Không có

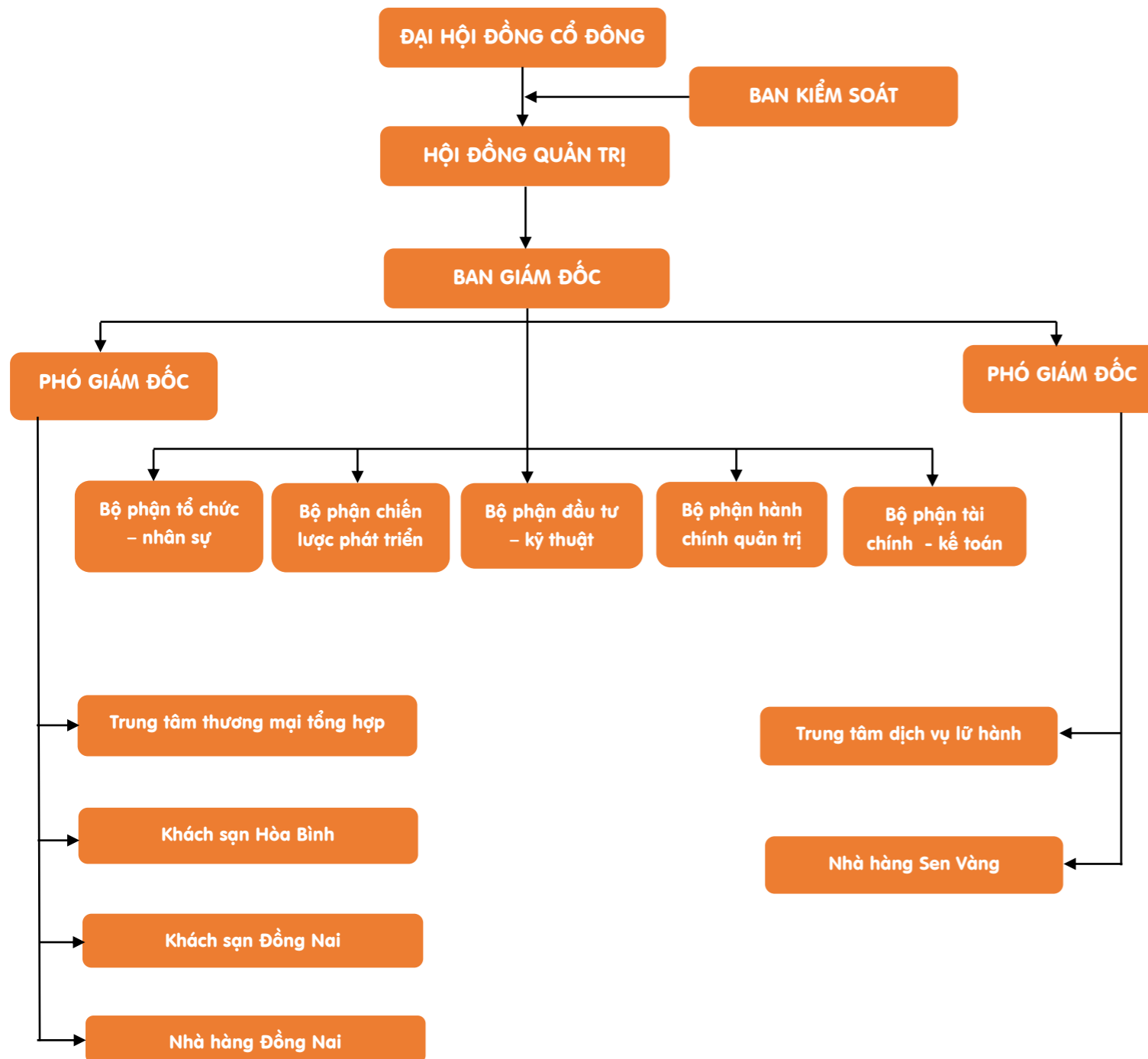
Công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng Cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Ban Giám đốc

Giám đốc của Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật nhưng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tập trung vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ để tạo nên sự hấp dẫn, đa dạng và tăng giá trị của gói du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Cung cấp trải nghiệm du lịch tốt nhất có thể cho khách hàng để tạo ra sự hài lòng.

Xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín và khác biệt nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh.

Thâm nhập và mở rộng thị trường nhằm tăng khả năng tiếp cận với khách hàng tiềm năng.

Sử dụng, khai thác hiệu quả nhất các nguồn lực về nhân sự, tài chính, công nghệ và cơ sở vật chất.

Đẩy mạnh công tác đầu tư và cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị tại các nhà hàng – khách sạn nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng sức cạnh tranh với các đối thủ cùng phân khúc thị trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch mới, phù hợp với các đối tượng khách hàng khác nhau nhằm tạo sự ấn tượng và thu hút được nhiều khách hàng mới, từng bước thực hiện mục tiêu mở rộng thị trường.

Đầu tư vào chiến lược quảng bá thương hiệu, nhằm tăng cường sự nhận thức về thương hiệu và thu hút khách hàng bằng việc xây dựng ý tưởng, chiến lược tiếp thị sáng tạo và khác biệt dựa trên định hướng phát triển Công ty.

Cập nhật và nâng cấp website, nhằm tăng cường tiếp cận với khách hàng trong nước và ngoài nước.

Xây dựng và đào tạo bộ phận chăm sóc khách hàng định kỳ, nhằm đảm bảo nhân sự nắm đầy đủ các thông tin và cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ, điểm đến du lịch và đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng và chuyên nghiệp.

Tập trung vào tăng năng suất lao động, khai thác sức sáng tạo để cải thiện chất lượng dịch vụ và nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên. Đồng thời, sử dụng công nghệ để quản lý hiệu quả và tối ưu hóa hoạt động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.



Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Công ty hiểu được rằng thành công của một doanh nghiệp không chỉ đơn thuần là tối đa hóa lợi nhuận và lợi ích cho cổ đông mà còn phải tạo ra giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội. Doanh nghiệp phát triển bền vững đóng góp quan trọng cho sự thịnh vượng của quốc gia. Công ty tập trung vào việc phát triển kinh doanh cùng với phát triển xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, chủ động ứng phó với các tác động tiêu cực từ thiên tai và dịch bệnh. Công ty luôn dành sự quan tâm đặc biệt trong việc cải thiện và phát triển xã hội, môi trường và cộng đồng, nỗ lực thực hiện những mục tiêu vì lợi ích cộng đồng. Các mục tiêu đó cụ thể như sau:

- Tham gia vào các hoạt động xã hội đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, như đóng góp vào quỹ từ thiện, hỗ trợ các tổ chức thiện nguyện, tài trợ các hoạt động giáo dục, y tế, môi trường...
- Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường như tài trợ các hoạt động tái chế, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, hỗ trợ các hoạt động tăng cường ý thức bảo vệ môi trường.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như các tiêu chuẩn môi trường của Nhà nước bằng các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ.
- Thường xuyên đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và ý thức về chất lượng, an toàn thực phẩm cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Nghiên cứu chiến lược tổng thể để tạo ra gói du lịch tiết kiệm năng lượng, từ việc lựa chọn địa điểm, phương tiện di chuyển cho đến việc khuyến khích và hướng dẫn khách hàng về việc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.
- Giảm thiểu lượng rác thải trong quá trình hoạt động du lịch, bao gồm sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, phân loại rác thải tại điểm du lịch và tái chế, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng.
- Thực hiện biện pháp bảo tồn và giữ gìn di sản Quốc gia như kết hợp giữa việc giáo dục và tuyên truyền về giá trị và ý nghĩa của các di sản Quốc gia đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong quá trình hướng dẫn viên dẫn dắt khách hàng tham quan các di tích, di sản; tăng cường việc giám sát khách hành khi tham quan các điểm tham quan di sản Quốc gia để hạn chế tình trạng gây hư hại và tàn phá di sản Quốc gia.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2022 là một năm phục hồi mạnh mẽ cho ngành du lịch sau đại dịch Covid-19. Khi các quốc gia tiếp tục thực hiện chính sách mở cửa và giảm các giới hạn về di chuyển, nhu cầu du lịch tăng mạnh trở lại. Thị trường du lịch tại Việt Nam có nhiều khởi sắc và là một trong những quốc gia đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á mở cửa trở lại sau mùa dịch Covid-19. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, trước đại dịch Covid-19, số lượng khách du lịch nội địa tăng trưởng đều qua các năm và đạt cao nhất vào năm 2019 với con số 85 triệu lượt. Tuy nhiên, năm 2022 đã chứng kiến sự tăng trưởng đột biến khi lượng khách nội địa trong cả năm đạt 101,3 triệu lượt, tăng tới 168,3% so với mục tiêu đặt ra là 60 triệu và vượt xa con số của năm 2019 và số lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt xấp xỉ 3 triệu người, gấp 21,1 lần so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn giảm 81,9% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu du lịch tăng mạnh đạt 495.000 tỷ đồng, vượt 23% so với kế hoạch đề ra.

Đồng Nai là một trong những tỉnh tiên tiến trong lĩnh vực công nghiệp với tốc độ tăng trưởng kinh tế được xếp vào danh sách đứng đầu cả nước. Ngoài lợi thế là tỉnh phát triển công nghiệp, việc xây dựng và đi vào hoạt động của Sân bay quốc tế Long Thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi góp phần tăng lượng khách hàng, nhà đầu tư đến tỉnh Đồng Nai. Điều này sẽ tạo ra cơ hội phát triển ngành du lịch ở tỉnh bởi vì nơi đây có lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như các địa danh nổi tiếng. Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Nai là một trong những tỉnh thu hút nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, do vậy sẽ làm tăng nhu cầu tổ chức hội nghị, sự kiện ra mắt sản phẩm của doanh nghiệp. Để tận dụng những cơ hội hiện có, Donatours luôn chú trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo sự khác biệt về sản phẩm mang đặc tính văn hóa của công ty và từng bước khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

RỦI RO PHÁP LUẬT

CTCP Du lịch Đồng Nai là Công ty đại chúng, đã đăng ký giao dịch và phát hành chứng khoán tại sàn UP-CoM trực thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Hoạt động kinh doanh của Công ty phải chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Thuế, Luật Chứng khoán và các quy định khác được Chính phủ ban hành. Bên cạnh đó, vì công ty hoạt động trong lĩnh vực du lịch nên Công ty cũng phải chịu sự chi phối của các văn bản pháp luật khác như Luật Du lịch, Luật Lao động, ... Với sự hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam với thế giới, các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực này đang được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam. Vì thế, Công ty luôn theo dõi những thay đổi này và cập nhật văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và các lĩnh vực có liên quan khác, nhằm xác định những chiến lược phù hợp với từng thời kỳ.

RỦI RO CẠNH TRANH

Với sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này cũng tăng đáng kể, dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt trong việc thu hút khách du lịch. Điều này đã làm cho Công ty đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Thêm vào đó, khách hàng ngày càng yêu cầu cao hơn về chất lượng dịch vụ, nếu không cải thiện chất lượng dịch vụ, không nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng quản lý thì công ty sẽ khó có khả năng thu hút thêm được nhiều khách hàng, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Vi vậy, để hạn chế các rủi ro này, Công ty đã chủ động phân tích thị trường, nghiên cứu nhu cầu Khách hàng để đưa ra những gói dịch vụ phù hợp với yêu cầu Khách hàng, đẩy mạnh quảng cáo các gói du lịch đến những địa danh được Khách hàng quan tâm và ưa chuộng. Bên cạnh đó, Công ty liên tục đầu tư vào nghiên cứu và đào tạo nhân lực, để nâng cao chất lượng nhân sự và cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp.



RỦI RO CẠNH TRANH

Ngoài những rủi ro đã được đề cập, còn có những rủi ro không thể kiểm soát được như các thiên tai, hỏa hoạn ảnh hưởng đến tài sản, nhân sự và hoạt động kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, công ty luôn cập nhật thông tin và đề phòng nguy cơ xảy ra sự cố hỏa hoạn. Các thông tin về những vấn đề không thể kiểm soát được cũng được nhanh chóng thông báo đến nhân viên để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sức khỏe và tài sản của nhân viên trong công ty.



RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Hiện nay, ngành du lịch đang phát triển mạnh mẽ, tuy nhiên, nguồn nhân lực chất lượng trong ngành vẫn còn hạn chế. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, hàng năm, với định hướng phát triển du lịch thành kinh tế mũi nhọn, cần đến 40.000 lao động có trình độ thì các trường đào tạo nghề, trường cao đẳng hiện nay cũng chỉ đáp ứng được khoảng 15.000, như vậy thiếu hụt rất lớn. Để ngành du lịch tiếp tục phát triển trong bối cảnh hiện tại đòi hỏi một lực lượng lao động đa dạng về kỹ năng và chuyên môn, từ hướng dẫn viên du lịch cho đến nhân viên phục vụ. Để giải quyết vấn đề này, ngành du lịch cần tăng cường đầu tư vào đào tạo chuyên nghiệp và tăng cường giáo dục về du lịch sẽ giúp tăng cường kỹ năng và năng lực của các nhân viên trong ngành.

Việc thiếu hụt nhân lực toàn ngành góp phần gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, khi ngày càng nhiều nhân sự hoạt động trong ngành du lịch chuyển hướng sang ngành nghề khác kể từ thời điểm dịch Covid – 19 bùng phát đến nay. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty đã thực hiện các biện pháp cải thiện chính sách lương thưởng và các chế độ phúc lợi cho nhân viên, đảm bảo sự công bằng và hấp dẫn đối với các nhân viên tốt, tăng cường quản lý nhân sự và hỗ trợ giải quyết các vấn đề cá nhân của nhân viên, giúp nhân viên giải quyết những áp lực trong công việc.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

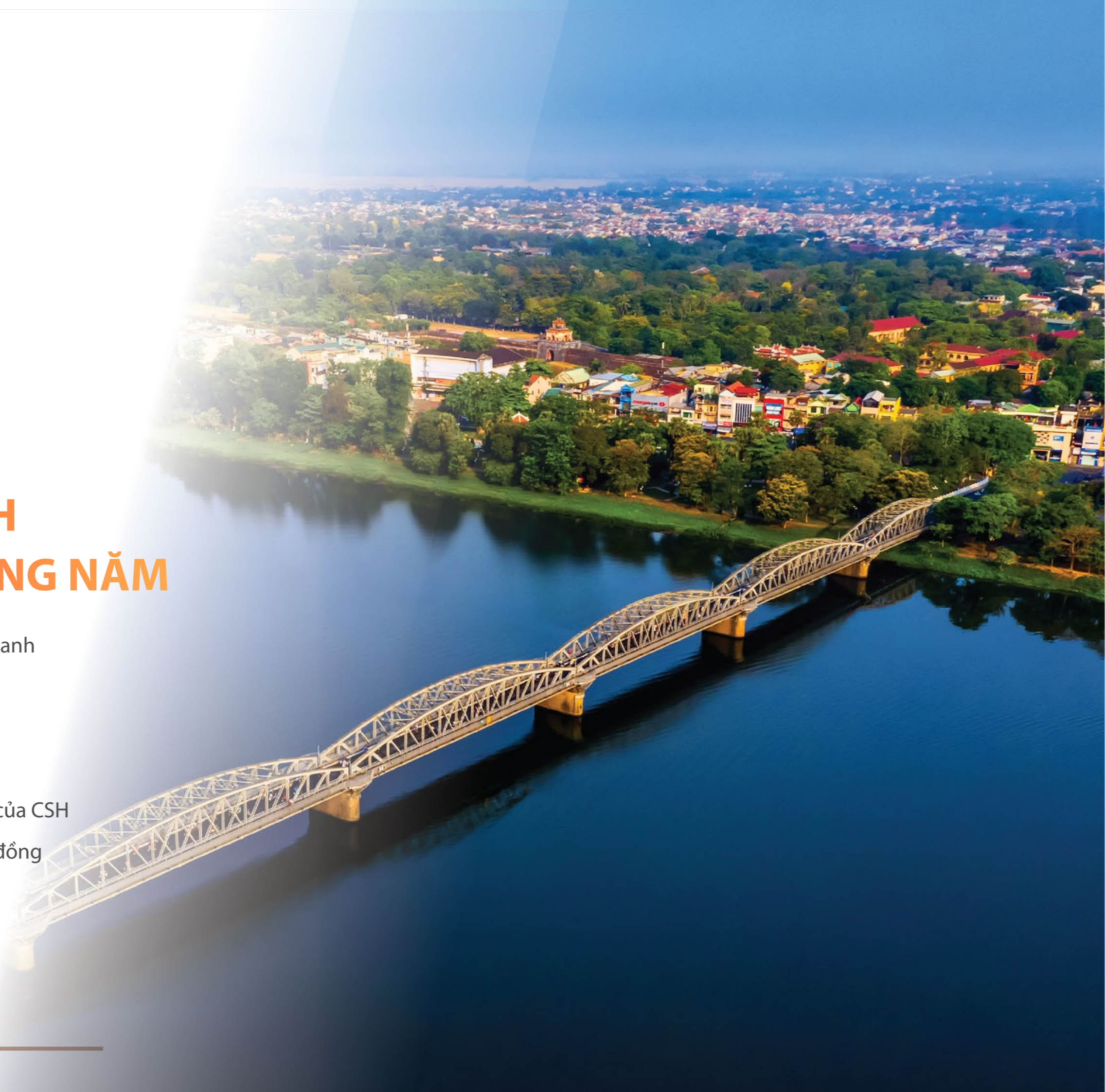
Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn góp của CSH

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

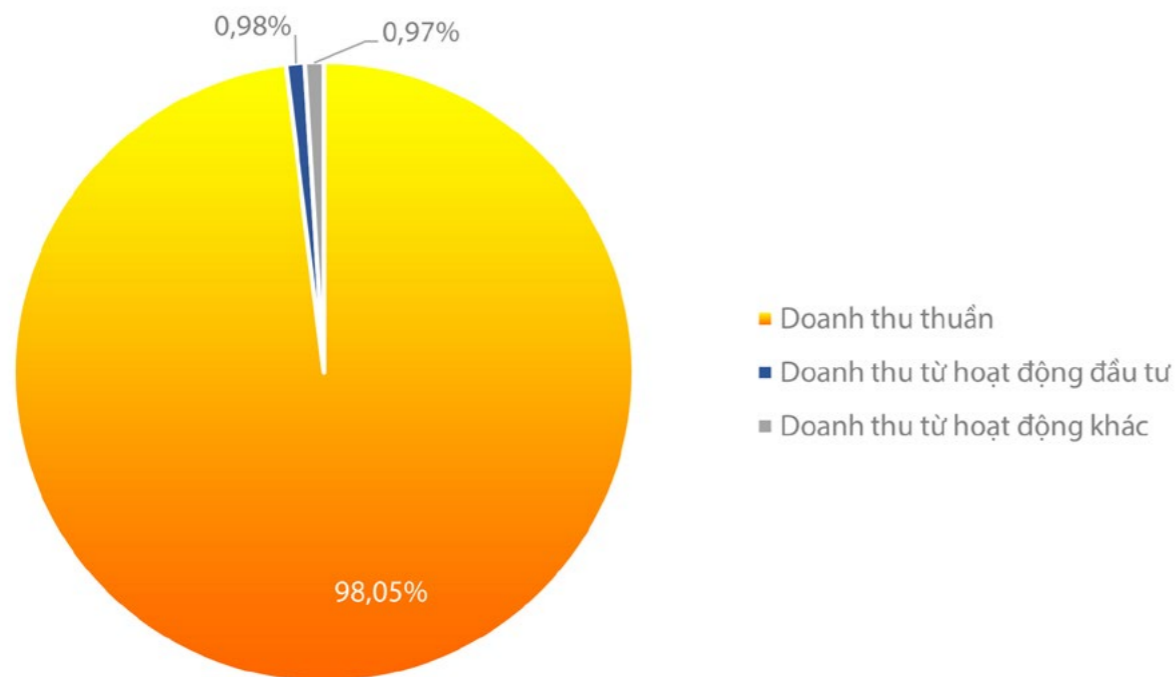


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	118.778	98,07%	270.110	98,05%	127,41%
2	Doanh thu từ hoạt động đầu tư	2.944	1,61%	2.705	0,98%	-8,12%
3	Doanh thu từ hoạt động khác	701	0,32%	2.663	0,97%	279,89%
Tổng		122.424	100%	275.478	100%	125,02%



Trong năm 2022, ngành du lịch đã chứng kiến một sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19. Việc các quốc gia tiếp tục thực hiện chính sách mở cửa và giảm các giới hạn về di chuyển đã dẫn đến một sự gia tăng đáng kể trong nhu cầu du lịch. Kết thúc năm 2022, tổng doanh của Công ty đạt 275.478 triệu đồng, tăng 127,41% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, doanh thu thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất là 98,05% trong cơ cấu tổng doanh thu, đạt 270.110 triệu đồng, tăng hơn 127,4%. Do ngành du lịch hồi phục rất tốt sau dịch và Công ty nắm bắt được xu hướng tổ chức tiệc, hội nghị, lễ hội đã được mở rộng trở lại sau thời gian giãn cách xã hội, Công ty đã gặt hái thành quả kinh doanh tốt trong năm 2022.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Việc nắm bắt được xu hướng tăng trưởng ngành du lịch trong năm 2022 không chỉ là do sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, mà còn là kết quả của sự đầu tư và phát triển của công ty trong việc tìm kiếm các cơ hội thị trường mới. Các chiến lược thâm nhập thị trường đã được đưa ra và thực hiện hiệu quả, mang lại cho công ty kết quả vượt xa so với kế hoạch đề ra. Các sản phẩm mới được phát triển trong năm

đã được đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tạo ra thu nhập ổn định cho công ty. Tổng doanh thu của công ty đã đạt mức cao nhất từ trước đến nay, với 137,37% so với kế hoạch năm 2022. Những thành công này đã giúp công ty phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19 và củng cố vị thế của công ty trong ngành du lịch.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc- Thành viên HĐQT	900.150	12,07%
2	Ôn Văn Phước	Quyền Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT	2.550	0,035%
3	Nguyễn Thanh Tâm	Phó Giám đốc	0	0%

Ông Huỳnh Quốc Bảo

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Nơi sinh : Đồng Nai
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

2001 - 2012	Kế toán Ngân hàng, tổng hợp tại Công ty CP Du lịch Đồng Nai
2012 – 2013	Quyền Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch Đồng Nai
2014 - 12/2021	Phó Giám đốc Công ty CP Du lịch Đồng Nai
12/2021 – nay	Giám đốc Công ty CP Du lịch Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Sở hữu cá nhân: 150 cổ phiếu (chiếm 0,002% vốn điều lệ)
 Đại diện sở hữu: đồng đại diện cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,065% vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

Ông Nguyễn Thanh Tâm

Phó Giám đốc

Nơi sinh : Long An
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

1994 - 2006	Nhân viên Khách sạn Kim Đô - Saigontourist
2006 - 2008	Trợ lý Giám đốc khách sạn Saigon - Quynhon - Saigontourist
2008 - 2013	Phó Giám đốc chi nhánh Saigontourist tại Côn Đảo
2013 - 05/2016	Giám đốc Công ty CP DV DL Thủ Đức.
05/2016 - 09/2017	Phó Giám đốc Khu nghỉ dưỡng Vietsovpetro
09/2017 - 10/2018	Phó Giám đốc Khách sạn Vietsovpetro
10/2018 - 02/2019	Phó Giám đốc Khu nghỉ dưỡng Vietsovpetro kiêm Phó Giám đốc phụ trách Khách sạn Vietsovpetro
03/2019 - 07/2019	Bí thư chi bộ cơ sở, Phó Giám đốc phụ trách Khu nghỉ dưỡng Vietsovpetro kiêm Phó Giám đốc phụ trách Khách sạn Vietsovpetro
08/2019 - 31/12/2020	Bí thư chi bộ cơ sở, Giám đốc Khu nghỉ dưỡng Vietsovpetro kiêm Giám đốc Khách sạn Vietsovpetro
04/2022 - nay	Phó Giám đốc Công ty CP DL Đồng Nai (Donatours)

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Đại diện sở hữu: 900.000 cổ phiếu (chiếm 12,065% vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Ôn Văn Phước

Quyển Kế toán trưởng

Nơi sinh : Đồng Nai
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

1997 - 2008	Kế toán tại Khách sạn Đồng Nai
2009	Tổ trưởng kế toán tại Khách sạn Hòa Bình
2010 – 2011	Phó Giám đốc Khách sạn Hòa Bình
2012	Giám đốc Khách sạn Hòa Bình
2013	Phó Giám đốc Khách sạn Hòa Bình
2014 – 2015	Quyển Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch Đồng Nai
2016	Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch Đồng Nai
2017 - 2018	Phó Giám đốc Công ty CP Du lịch Đồng Nai
2019 – 12/2021	Phó phòng tổ chức nhân sự Công ty CP Du lịch Đồng Nai
12/2021 - nay	Quyển Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Quyển Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : 2.550 cổ phiếu (chiếm 0,035% vốn điều lệ)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

► Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tâm trở thành Phó Giám đốc từ ngày 01/04/2022

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	197	0,51%
1	Trên đại học	01	20,81%
2	Đại học	41	6,60%
3	Cao đẳng	13	11,17%
4	Trung cấp	22	0,00%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	197	37,56%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	74	62,44%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	123	0,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,51%

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	202	179	168	197
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.000.000	9.500.000	7.500.000	8.700.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ ĐÀO TẠO

Căn cứ vào nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, tùy theo năng lực, trình độ của Người lao động, Công ty đưa ra hình thức và kế hoạch đào tạo thích hợp như đào tạo để nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên, bao gồm kiến thức về văn hóa, lịch sử, địa lý, kỹ năng hướng dẫn khách hàng và giải quyết sự cố. Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm theo mục tiêu, nhiệm vụ và chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài kỹ năng chuyên môn, Công ty còn đào tạo nhân viên các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo, quản lý thời gian và giải quyết xung đột để nhân viên trở nên hiệu quả hơn trong công việc. Bên cạnh đó, ngoại ngữ cũng là một phần không thể thiếu đối với các nhân viên do sự phát triển của ngành du lịch toàn cầu, Công ty cần có nhân viên biết nhiều ngôn ngữ để phục vụ khách hàng quốc tế.

VỀ TUYỂN DỤNG

Chất lượng nguồn lao động luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì ổn định hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ, do đó khâu tuyển dụng nhân sự luôn được Công ty đầu tư, chú trọng. Công ty luôn chủ động tìm kiếm và ưu tiên các ứng viên có năng lực, có chuyên môn cao, kỹ năng tốt nhằm góp phần giảm bớt chi phí đào tạo, nâng cao mặt bằng trình độ chung cho người lao động. Đồng thời khuyến khích việc chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhóm, các tổ, từ đó thúc đẩy sự ham hỏi, nâng cao tầm hiểu biết không chỉ cho một bộ phận người lao động mà cho tất cả các mắt xích của Công ty.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho ứng viên trong quá trình tuyển dụng, bao gồm giảm thiểu thời gian phỏng vấn và thực hiện quá trình tuyển dụng nhanh chóng. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các kỳ thi, bài kiểm tra để đánh giá kỹ năng và năng lực của ứng viên trong lĩnh vực du lịch. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện để thu hút, giữ chân nhân viên tài năng. Các chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo và phát triển nghề nghiệp cũng được ban lãnh đạo đề cao để thu hút nhân viên chất lượng cao.



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Công tác xây dựng môi trường làm việc và chăm sóc sức khỏe người lao động cũng là một nhân tố quan trọng, ảnh hưởng lớn đến năng suất và chất lượng của nhân viên đối với Công ty. Vì vậy, để người lao động phát huy tối đa năng lực, Công ty đã tạo điều kiện như sau: trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, phương tiện làm việc cho nhân viên;

Sử dụng hệ thống thông gió và điều hòa không khí để cải thiện chất lượng không khí trong môi trường làm việc; Luôn đảm bảo điều kiện làm việc an toàn thông qua hoàn thành tốt công tác khử trùng, đồng thời cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ như khẩu trang, găng tay,...

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động và Công ty đặc biệt chú trọng trong công tác xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, năng lực. Công ty thực hiện công tác nâng lương cho người lao động đúng kỳ hạn. Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động như: khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động,... Kịp thời giải quyết các chế độ phục hồi sức khỏe cho người lao động, nghỉ phép, ốm đau, nghỉ thai sản, chính sách, đảm bảo quyền lợi cho người lao động đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động, ổn định việc làm và cải thiện đời sống người lao động trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả. Việc thanh toán lương, thưởng và các thu nhập khác cho người lao động Công ty kịp thời, đầy đủ, chính xác theo đúng quy định. Bên cạnh chính sách lương theo quy định, Công ty còn có các chính sách chế độ khác như lương thêm giờ, chế độ hỗ trợ khi công tác xa nhà,... với người lao động luôn được Công ty quan tâm, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Đầu tư hình thành tài sản cố định, tổng kinh phí (chưa bao gồm thuế) là 5.786,68 triệu đồng

Trong đó: mua sắm tài sản là máy móc thiết bị cụ thể như sau:

- Khách sạn Hòa Bình là 70,5 triệu đồng.
- Nhà hàng Sen Vàng là 253,82 triệu đồng.

Khách sạn Đồng Nai tăng tài sản là các hạng mục xây dựng cơ bản (sảnh tiệc Rose) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2021 và hồ sơ quyết toán hoàn tất vào năm 2022 như sau :

- Tầng tài sản là nhà cửa vật kiến trúc từ xây dựng cơ bản là 3.288 triệu đồng.
- Tầng tài sản là máy móc thiết bị từ xây dựng cơ bản là 2.174,34 triệu đồng, trong đó : hệ thống thang máy là 304,95 triệu đồng, hệ thống máy lạnh là 791,55 triệu đồng, hệ thống âm thanh là 590,61 triệu đồng, hệ thống ánh sáng là 246,25 triệu đồng, màn hình Led là 240,98 triệu đồng.

Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ thay thế phục vụ kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ của đơn vị (chưa bao gồm thuế) là 1.114,20 triệu đồng, chi tiết:

- Nhà hàng Sen Vàng: 550,56 triệu đồng;
- Khách sạn Đồng Nai: 265,47 triệu đồng;
- Khách sạn Hòa Bình: 242,29 triệu đồng;
- Nhà hàng Đồng Nai: 55,58 triệu đồng.

Việc đầu tư mua sắm được thực hiện có trọng điểm, tuân thủ đúng quy trình đầu tư mua sắm theo quy định của Nhà nước và quy chế công ty ban hành. Các hạng mục đã đầu tư sửa chữa nâng cấp sảnh tiệc khách sạn Đồng Nai, Nhà hàng Sen Vàng bước đầu phát huy được hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh và đóng góp cho sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	1.884,29	1.713,34	90,93%
2	Doanh thu thuần	2.518,21	2.248,89	89,31%
3	Giá vốn hàng bán	1.689,78	1.292,07	76,46%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	69,24	54,80	79,14%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	1.137,50	1.188,40	104,47%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-
7	Lợi nhuận khác	-	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	(239,83)	(179,78)	-
9	Lợi nhuận sau thuế	-	-	-



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2021/2022	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	87.669,41	107.396,20	122,50%	22,50%
2	Doanh thu thuần	118.778,36	270.110,62	227,41%	127,41%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.017,43)	12.274,40	-	-
4	Lợi nhuận khác	483,26	2.211,87	457,70%	357,70%
5	Lợi nhuận trước thuế	(4.534,17)	14.486,26	-	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(4.534,17)	12.835,39	-	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	5%	-	-

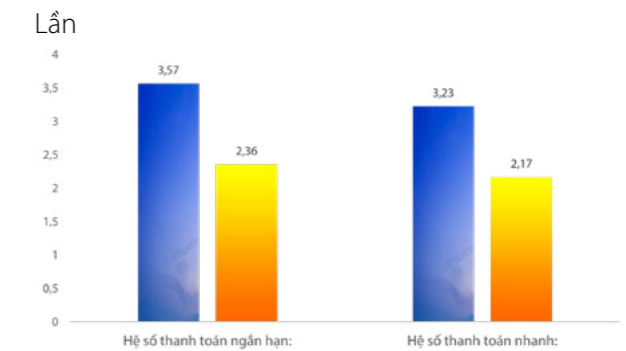
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	3,57	2,36
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	3,23	2,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	14,69	27,11
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	17,22	37,19
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	26,02	45,70
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,22	2,77
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-3,81	4,75
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-6,06	16,77
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-5,17	13,16
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-4,22	4,54

1 CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Nhìn chung, trong năm chỉ tiêu khả năng thanh toán của DNT luôn vượt qua ngưỡng 1, cho thấy Công ty có đủ khả năng tài chính để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Năm 2022, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều giảm so với năm 2021. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm còn 2,36 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm còn 2,17 lần. Nguyên nhân sự sụt giảm này do tài sản ngắn hạn chỉ tăng 78,47% trong khi nợ ngắn hạn tăng đến 169,61% so với cùng kỳ 2021.

Trong năm 2022, Công ty đã thanh toán các khoản vay ngắn hạn, nợ ngắn hạn của DNT tăng chủ yếu đến từ khoản phải trả người bán tăng 337,37% và khoản phải trả người lao động tăng hơn 697,91% so với cùng kỳ 2021. Trong thời điểm nền kinh tế

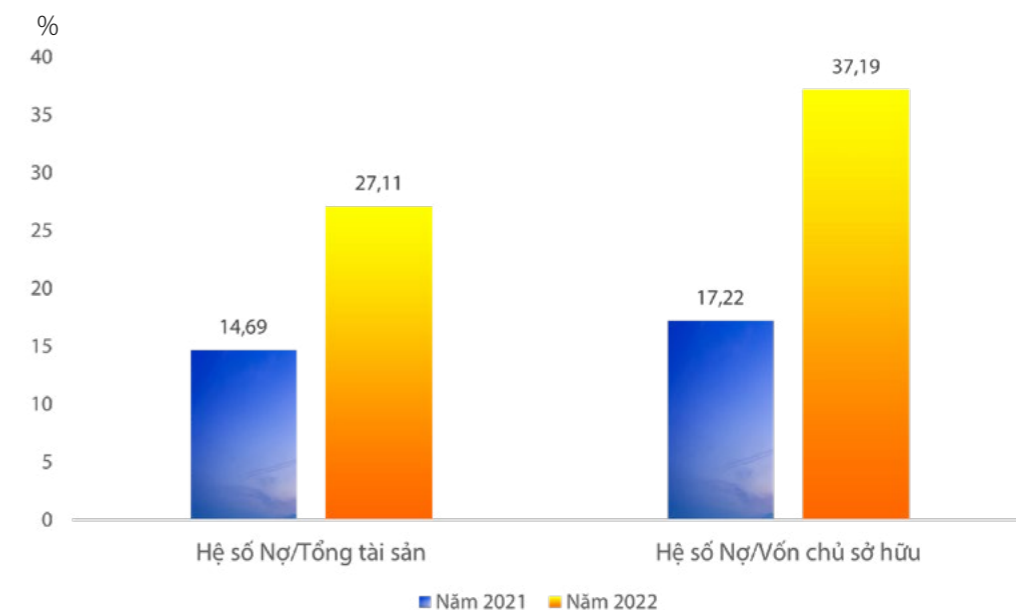


đang biến động và lãi suất đang tăng cao, Công ty đã đưa ra các biện pháp kiểm soát hợp lý trong việc sử dụng vốn vay ngắn hạn để sử dụng vào hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty tận dụng các khoản phải trả để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, điều này giúp Công ty giảm chi phí lãi vay.

2 CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong cơ cấu nguồn vốn, chỉ tiêu về hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đều tăng lần lượt đạt 27,11% và 37,19% trong năm 2022. Chủ yếu đến từ nợ phải trả tăng 126,04% và tổng tài sản tăng 22,50% từ khoản tiền và khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tăng lần lượt 100,19% và 80,29% so với cùng kỳ

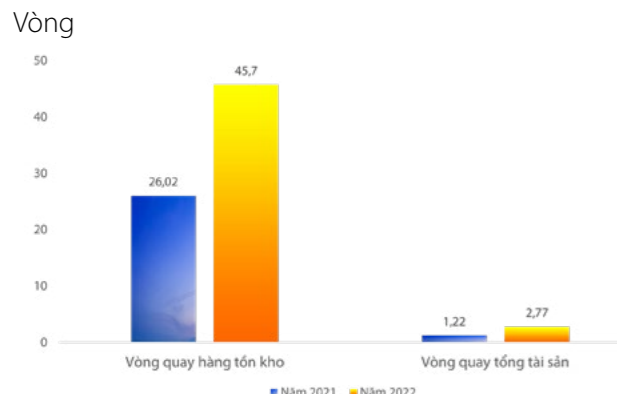
2021. Công ty tăng khoản tiền mặt trong năm với mục đích duy trì hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đang sử dụng nguồn vốn từ nợ ngắn hạn, đặc biệt là từ các khoản phải trả người bán. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, Công ty đã thận trọng xem xét việc tăng thêm nợ ngắn hạn nhằm hạn chế tối đa rủi ro tài chính.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3 CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Năm 2022, vòng quay hàng tồn kho đạt 45,70 vòng/năm, tăng so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán tăng 113,87% trong năm 2022 khi hoạt động kinh doanh của công ty phục hồi mạnh sau đại dịch Covid-19, mang lại kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn so với năm trước.

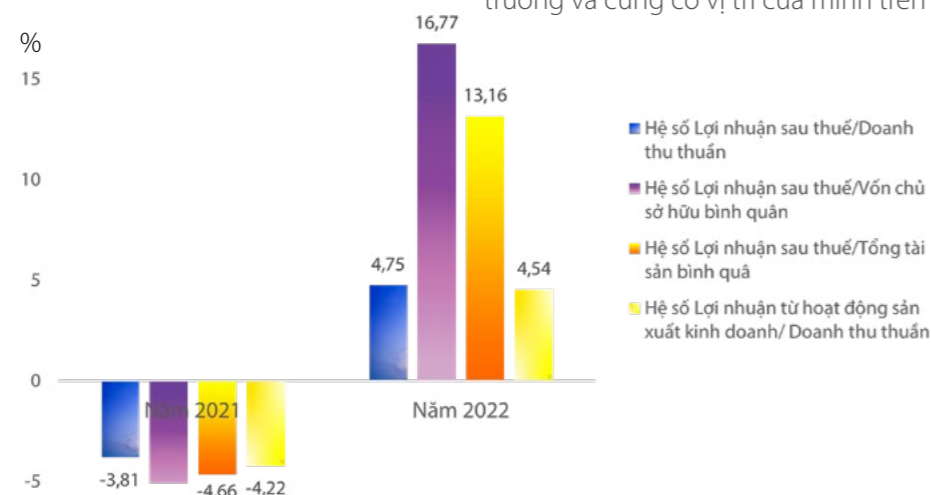
Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 1,22 vòng lên đến 2,77 vòng doanh thu thuần trong năm 2021 tăng mạnh hơn so với tổng tài sản. Cụ thể, doanh thu thuần tăng 127,41%, trong khi tổng tài sản tăng chỉ 22,50%.

4 CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Với kết quả kinh doanh đáng tự hào, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của DNT đều tăng so với cùng kỳ 2021. Cụ thể, các chỉ số tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS), tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA) và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần lần lượt đạt 4,75%, 16,77%, 13,16% và 4,54%.

Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế tăng 12.835,39 triệu đồng đồng thời doanh thu thuần tăng đạt 270.110,62 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021. Công ty đã tận dụng cơ hội khi ngành du

lịch bắt đầu phục hồi sau đại dịch Covid-19. Điều này cho thấy sự linh hoạt và đột phá của Công ty trong việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để đáp ứng với tình hình thay đổi của thị trường và tạo ra kết quả đáng ghi nhận trong việc nắm bắt cơ hội và phục hồi doanh thu sau giai đoạn khó khăn của ngành du lịch. Thêm vào đó, Công ty cũng đã đưa ra các chính sách hỗ trợ khách hàng để tăng cường lòng tin và sự tin tưởng của khách hàng vào sản phẩm và dịch vụ của Công ty, đó cũng là một yếu tố quan trọng giúp Công ty tăng trưởng và củng cố vị trí của mình trên thị trường.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đã phát hành

7.459.675 CP

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành

7.280.925 CP

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 7.459.675 CP

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ vốn sở hữu/VĐL
I	Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	7.459.675	74.596.750.000	100%
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	6.933.750	69.337.500.000	92,95%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	525.925	5.259.250.000	7,05%
II	Cổ đông Nhà nước	4.920.000	49.200.000.000	65,95%
III	Cổ đông trong nước	7.280.925	72.809.250.000	97,60%
1	Cá nhân	1.141.425	11.414.250.000	15,30%
2	Tổ chức	1.219.500	12.195.000.000	16,35%
IV	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
V	Cổ phiếu quỹ	178.750	1.787.500.000	2,40%
Tổng cộng		7.459.675	74.596.750.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Cổ phần hóa	17/02/2006		Vốn điều lệ đăng ký là: 64.300.000.000	Cổ phần hóa	Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20/09/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Đồng Nai thành công ty cổ phần; Biên bản bàn giao số 293/BB/CPDL ngày 31/08/2006 của Ban đổi mới phát triển về việc bàn giao tài sản, nguồn vốn giữa Công ty Du lịch Đồng Nai và Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai
			Tại thời điểm bàn giao vốn thực góp là 50.327.000.000		Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2006 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp.
Lần 1	Tháng 05/2015	24.269.750.00	74.596.750.000	Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn vốn chủ sở hữu	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 70/ĐHCD/BB ngày 10 tháng 04 năm 2015. Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 71/DLĐN/ĐHCĐ-NQ ngày 10 tháng 04 năm 2015.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Tác động lên môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, do đó, các hoạt động góp phần gia tăng giá trị cho dịch vụ như vận chuyển, hoạt động nhà hàng, khách sạn... đã đóng góp vào phát thải khí nhà kính.

Các phương tiện vận chuyển đưa khách đi lại như máy bay, ô tô, tàu thủy, xe buýt... đều sử dụng nhiên liệu hóa thạch như xăng, dầu diesel và khí đốt, tạo ra khí thải độc hại như CO₂, NO_x, SO_x và các chất độc hại khác.

Do đó, Công ty đã thực hiện một số biện pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính bao gồm:

- Chọn sử dụng các phương tiện vận chuyển có hiệu suất năng lượng cao hơn, sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường.
- Thực hiện các chính sách và quy định về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải và các sản phẩm thải đúng cách.
- Tối ưu hóa hệ thống chiếu sáng và điều hòa, tăng cường quản lý nước, tái chế chất thải, giảm thiểu sự lãng phí thực phẩm.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Quản lý nguồn nguyên vật liệu là một phần quan trọng trong hoạt động của công ty. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, việc tối ưu hóa sử dụng nguyên vật liệu giúp giảm thiểu lãng phí, tăng năng suất sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí hoạt động. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch, việc giảm thiểu lãng phí nguyên liệu xăng dầu trong vận chuyển giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giúp tài nguyên được sử dụng hợp lý, giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên.

Vi vậy, Công ty đã áp dụng một số biện pháp như sau để quản lý nguồn nguyên vật liệu, hạn chế lãng phí và bảo vệ môi trường. Cụ thể các biện pháp:

- Lập kế hoạch nhập hàng thực phẩm để đảm bảo sự cân đối giữa nguồn cung và nhu cầu sử dụng.
- Đầu tư phát triển hệ thống lưu trữ nguyên vật liệu nhằm hạn chế việc giảm chất lượng và hư hỏng, gây lãng phí.
- Đầu tư mua sắm và sử dụng những phương tiện vận tải mới, có tính năng tiết kiệm nhiên liệu hoặc có công nghệ tiên tiến để giảm lượng khí thải

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng mà Công ty thường xuyên sử dụng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh là điện, xăng dầu và gas. Trong năm 2022, khối lượng điện Công ty đã tiêu thụ là 1.189.392 Kwh.

Công ty luôn tiết kiệm các khoản chi phí sử dụng năng lượng tiêu thụ, cụ thể:

- Để thay thế lượng điện dùng trong việc chiếu sáng, Công ty đã tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, tập trung vào diện tích thực diễn ra hoạt động kinh doanh. Việc thắp sáng cho văn phòng chỉ giữ ở mức thấp nhất. Đồng thời, Công ty cũng lựa chọn đèn có kích cỡ, công suất phù hợp. Đặc biệt, Công ty luôn bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng định kỳ.

- Công ty cũng ban hành các văn bản hướng dẫn về định mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Các công nhân viên được hướng dẫn về việc vận hành máy phát điện và an toàn sử dụng gas trong bếp. Để có thể tiết kiệm điện tối đa nhất.

Tiêu thụ nước

Trong năm 2022, lượng nước Công ty đã tiêu thụ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh 33.064m³

Công ty hạn chế tình trạng thất thoát nước bằng các biện pháp như tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống ống nước và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các hư hỏng, đưa ra những phương án tiết kiệm nước thích hợp nhất. Bên cạnh đó, Công ty luôn đẩy mạnh ý thức tiết kiệm tài nguyên như điện, nước đến đội ngũ người lao động giúp tiết kiệm chi phí cho Công ty và tạo sự thân thiện với môi trường.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ngành du lịch ngày càng phát triển, dần trở thành ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam. Nhu cầu của khách du lịch ngày càng cao và ngày càng quan tâm tới điều kiện về an toàn sức khỏe. Du khách hiện nay có xu hướng chọn những nơi, những cơ sở dịch vụ du lịch quan tâm đến bảo vệ môi trường. Chỉ những điểm đến xanh, sạch, đẹp với những sản phẩm an toàn mới có sức cạnh tranh thu hút khách hàng. Hiểu rõ tầm quan trọng của môi trường thiên nhiên, Công ty luôn đề cao công tác bảo vệ môi trường, xem đó là trách nhiệm bắt buộc của Công ty, cụ thể:

Quy định phải sử dụng dịch vụ thu gom rác sinh hoạt, phân loại rác tại nguồn, không để chất thải y tế, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp vào rác sinh hoạt tại tất cả các địa điểm kinh doanh.

Hạn chế tối đa việc sử dụng túi ni-lông, thay thế bằng các sản phẩm có chất liệu thân thiện với môi trường.

Thường xuyên vệ sinh môi trường làm việc, khu cảnh quan xung quanh nơi cư trú của du khách.

Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục, đảm bảo môi trường sống của người dân xung quanh.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động trong năm 2022 của Công ty là: 169 người

Mức lương trung bình trong năm 2022 của Công ty là: 104.400.000 đồng/người/năm

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty còn thường xuyên tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và hỗ trợ học tập, nhằm tạo cơ hội cho người lao động trong việc nâng cao năng lực bản thân. Bên cạnh đó, người lao động còn được quan tâm, chăm sóc về mặt vật chất và tinh thần. Các dịp lễ, Tết, Công ty sẽ tổ chức quà hoặc các chuyến du lịch nghỉ dưỡng. Để đảm bảo sức khỏe người lao động đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu công việc, định kỳ Công ty sẽ tổ chức các buổi khám sức khỏe. Qua những quyền lợi mà người lao động được nhận khi trở thành nhân sự của Công ty, có thể thấy Công ty rất chú trọng trong việc xây dựng các chính sách dành cho người lao động.

Công ty luôn cố gắng thực hiện các chính sách dành cho người lao động đúng luật. Ngoài ra, Công ty luôn phấn đấu tìm kiếm cơ hội kinh doanh để người lao động có thể tiếp tục làm việc để họ có thu nhập vượt qua thời kì khó khăn này. Công ty luôn hết sức tạo điều kiện giúp đỡ người lao động trong bất cứ hoàn cảnh nào dù là khó khăn nhất. Vì với Công ty, mỗi người lao động sẽ là một nhân tố tích cực trong việc quảng bá sản phẩm và mang lại doanh thu cho Công ty.

Hoạt động đào tạo người lao động

STT	Phân loại	Số lượng CBCNV tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người)
1	Đào tạo huấn luyện kỹ năng phục vụ nhà hàng đợt 1	66	4
2	Đào tạo huấn luyện kỹ năng phục vụ nhà hàng đợt 2	71	4

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đi đôi với việc tập trung hoạt động kinh doanh, Công ty cũng luôn quan tâm đến trách nhiệm đối với cộng đồng. Bên cạnh việc tạo ra công việc ổn định cho nhiều lao động ở địa phương, Công ty cũng tích cực trong hoạt động thiện nguyện, các công tác xã hội. Đối với Công ty, việc đóng góp cho xã hội không chỉ giúp Công ty xây dựng hình ảnh đẹp trong mắt khách hàng, tăng lợi nhuận Công ty mà còn là trách nhiệm đi đôi với hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không có





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2021

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo phát triển bền vững



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2022	TH năm 2022	% KH 2022/TH 2022
Doanh thu hoạt động SXKD	200.000	275.479	137,73%
Trong đó:			
- Doanh thu dịch vụ	90.000	135.092	150,10%
- Doanh thu KD thương mại	110.000	140.387	127,62%
Tổng chi phí chưa lương	176.742	235.813	133,42 %
Tiền lương, thưởng	17.258	25.180	145,90%
Lợi nhuận trước thuế	6.000	14.486,26	241,43%
Thu nhập bình quân	7,4	12,3	166,21%

DOANH THU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 275,479 tỷ đồng, đạt 137,73% so với kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, tương đương tăng 75,479 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu lĩnh vực dịch vụ đạt 150,10%

Nhà hàng Sen Vàng là đơn vị mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất mặc dù gặp sự cạnh tranh gay gắt của các nhà hàng, trung tâm hội nghị tiệc cưới trên địa bàn thành phố Biên Hòa. Năm 2022 đã đạt mức doanh thu rất cao trên 68 tỷ đồng, tăng 292,92% so cùng kỳ năm 2021, tương đương tăng 50,7 tỷ đồng, và tăng 28,72% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương tăng xấp xỉ 15,20 tỷ đồng, đã khẳng định được uy tín và chất lượng sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng và là đơn vị đóng góp hiệu quả hàng đầu của Công ty, lợi nhuận đạt 17 tỷ đồng. Được kết quả như vậy là do Nhà hàng đã chủ động trong chính sách bán hàng, chương trình khuyến mãi, chú trọng chất lượng dịch vụ, tận dụng tốt sự gia tăng khách hàng sau đại dịch Covid-19.

so kế hoạch, tương đương tăng xấp xỉ 45,092 tỷ đồng, doanh thu lĩnh vực kinh doanh thương mại đạt 127,62% so kế hoạch, tương đương tăng 30,387 tỷ đồng.



Khách sạn Đồng Nai đưa vào hoạt động sảnh tiệc Rose cải tạo mới bên cạnh các sảnh Lotus 2&3, sảnh Sky Hall, nâng cấp phòng ngủ... đã giúp đơn vị hoàn thành mức doanh thu được giao, đạt 28,31 tỷ đồng, trong đó kinh doanh ăn uống đạt 17,54 tỷ đồng, dịch vụ phòng ngủ và các dịch vụ bổ trợ khác đạt 10,66 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 2,3 tỷ đồng. Hoạt động dịch vụ lưu trú của khách sạn gặp sự cạnh tranh về giá, chia sẻ nguồn khách từ các khách sạn cao cấp tiêu chuẩn 4-5*, nguồn khách quốc tế, du khách sụt giảm nghiêm trọng sau dịch. Ngoài sảnh tiệc Rose, các sảnh tiệc cũ khác đã dẫn lạc hậu với thị hiếu khách hàng, dẫn đến tình trạng kén khách.

Khách sạn Hòa Bình: Là đơn vị có cơ sở vật chất ngày càng xuống cấp trầm trọng, tốn nhiều chi phí trong công tác gia cố, sửa chữa thường xuyên. Đơn vị tiếp tục khai thác và cố gắng hoàn thành kế hoạch doanh thu xấp xỉ 13 tỷ đồng. Đơn vị đã chủ động gia tăng khai thác phục vụ tiệc bên ngoài để có doanh thu, cân đối được lương thưởng cho người lao động.

Nhà hàng Đồng Nai (Cà phê Hoài Phố): Doanh thu thực hiện là 1,2 tỷ đồng, đạt 96,4% so với cùng kỳ, tương đương giảm 45 triệu đồng. Tình hình kinh doanh của nhà hàng không hiệu quả, thu không đủ bù đắp cho khấu hao tài sản, chi phí nhân công. Trong năm Công ty cũng đã cố gắng tìm kiếm đối tác hợp tác khai thác khách hàng kinh doanh, cố gắng giảm lỗ cho đơn vị nhưng vẫn chưa tìm được đối tác phù hợp.

Trung tâm Thương mại tổng hợp: Doanh thu thực hiện 140,38 tỷ đồng, tăng 76% so cùng kỳ, tương đương tăng 60,63 tỷ đồng. Tình hình giá bán bia trong năm tương đối thuận lợi nên trung tâm có cơ hội gia tăng được nhiều lợi nhuận so với cùng kỳ, đạt 1,7 tỷ đồng.

Trung tâm Dịch vụ Lữ hành: Doanh thu dịch vụ thực hiện đạt 20,29 tỷ đồng, cân đối được thu chi. Chất lượng dịch vụ có nhiều cải tiến được khách hàng tín nhiệm. Đơn vị gặp nhiều khó khăn do áp lực cạnh tranh, kể cả cạnh tranh về giá, tỷ lệ lãi gộp thấp. Đội ngũ lao động của Trung tâm còn mỏng chưa khai thác tốt thị trường hiện có, hiệu quả còn khiêm tốn.

LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Lợi nhuận trước thuế đạt 14,486 tỷ đồng, bằng 241,43 % so với kế hoạch năm. Trong năm 2022 Công ty kinh doanh hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Trung tâm Dịch vụ Lữ hành khắc phục dần những khó khăn, ổn định doanh thu cân đối được thu bù chi ; Các đơn vị chủ lực của công ty như Nhà hàng Sen Vàng, Khách sạn Đồng Nai, Khách sạn Hòa Bình, Trung tâm Thương mại Tổng hợp kinh doanh ổn

định, hiệu quả , đặc biệt là Nhà hàng Sen Vàng, đã đứng vững và tăng trưởng dưới áp lực cạnh tranh rất lớn về mọi mặt.

Thu nhập bình quân của người lao động đạt 12,3 trđ/người/tháng, tăng 66,21% so với kế hoạch và tăng 101,63% so với cùng kỳ năm trước.

Mức tạm ứng chi trả cổ tức năm 2022 là 5%



Thuận lợi:

- Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng động lực phát triển kinh tế phía Nam và được xếp vào loại đứng đầu cả nước với tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kể trong ngành công nghiệp. Ngoài ra, Đồng Nai cũng có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái với các khu du lịch được phân bố rộng khắp trên toàn tỉnh.
- Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, du lịch và luôn tập trung đào tạo cho đội ngũ nhân sự về các nghiệp vụ bài bản, đồng thời xác định rõ chiến lược kinh doanh để tạo dựng thương hiệu mạnh trong lĩnh vực du lịch tại Đồng Nai.
- Với hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành du lịch, là công ty dẫn đầu về kinh doanh các sản phẩm dịch vụ như nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch. Donatour luôn duy trì tình hình tài chính lành mạnh và có nguồn vốn dồi dào để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Khó khăn:

- Hiện nay, ngành này đang gặp khó khăn với việc tuyển dụng và giữ chân nhân lực, do nguồn nhân lực hiện tại vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu chung của ngành và theo kịp xu hướng thế giới.
- Sự phát triển của ngành dịch vụ và du lịch phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm tình trạng kinh tế, mức thu nhập của du khách, sở thích của người tiêu dùng và đặc biệt là tác động của diễn biến phức tạp của dịch bệnh và tình hình lạm phát như hiện nay dẫn đến nhu cầu vui chơi, giải trí của người tiêu dùng bắt đầu giảm.
- Cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũng như các tỉnh lân cận dẫn đến Đồng Nai vẫn chưa được đầu tư đồng bộ do vướng mắc trong vấn đề pháp lý, nguồn vốn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

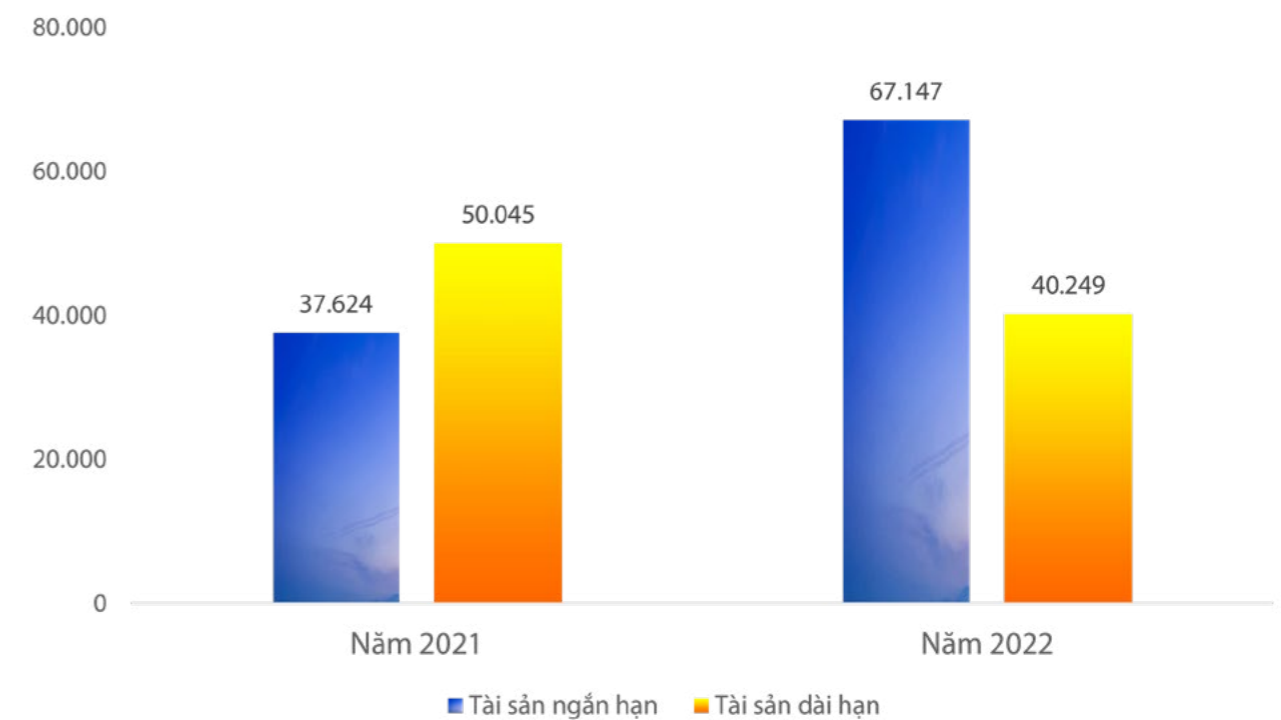
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	37.624	67.147	78,47%	42,92%	62,52%
Tài sản dài hạn	50.045	40.249	-19,58%	57,08%	37,48%
Tổng tài sản	87.669	107.396	22,50%	100%	100%

Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản của DNT đã đạt 107.369 triệu đồng, tăng hơn 22,5% so với năm trước. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn với 62,52%, trong khi tài sản dài hạn chiếm 37,48%. Tài sản ngắn hạn đã tăng 78,47% trong năm, chủ yếu nhờ vào đầu tư nắm giữ cho đến khi đáo hạn, tăng

80,29% so với năm 2021. Tiền và các khoản tương đương tiền cũng tăng 100,19%, đạt hơn 11.322,19 triệu đồng. Công ty đã tăng lượng tiền mặt trong năm để duy trì hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro tài chính. Trong khi đó, tài sản dài hạn của Công ty giảm hơn 19,5% so với năm trước.



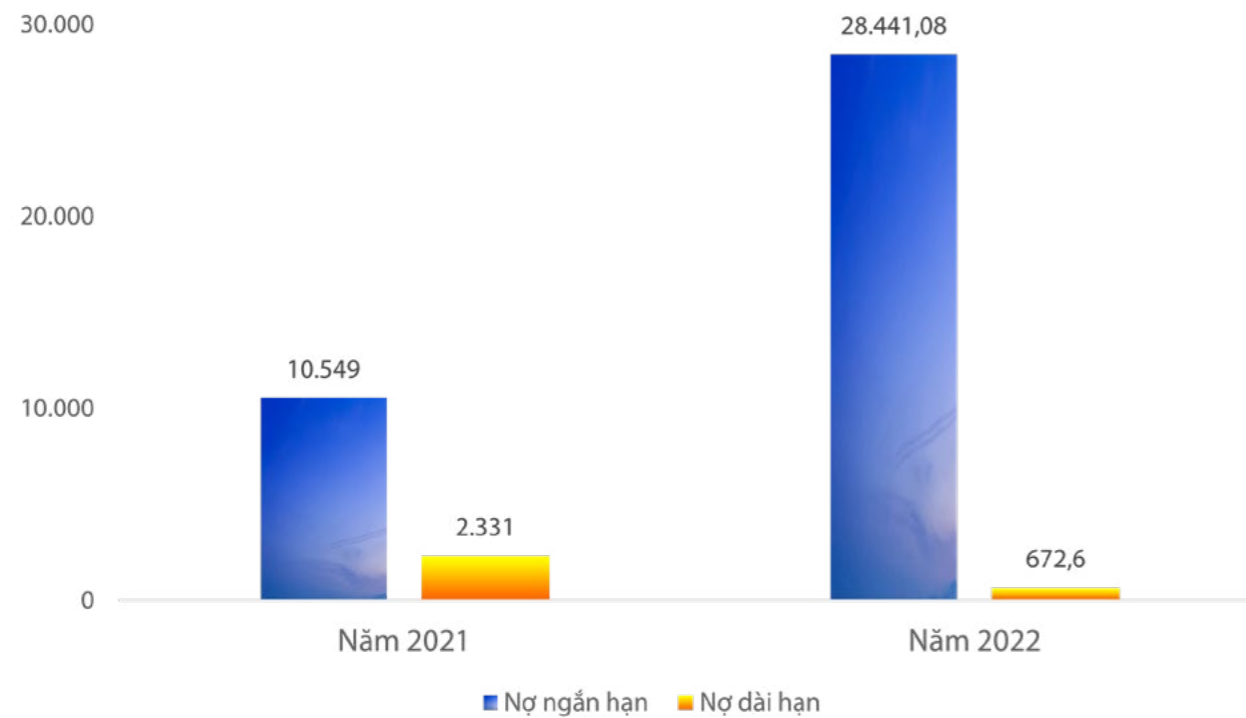
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	10.549	28.441,08	169,61%	81,90%	97,69%
Nợ dài hạn	2.331	672,60	-71,14%	18,10%	2,31%
Tổng nợ phải trả	12.880	29.113,68	126,04%	100,00%	100%

Trong năm 2022, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 29.113 triệu đồng, tăng 126,04% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm hơn 97,69% và nợ dài hạn chiếm 2,31%. Cụ thể, nợ ngắn hạn đã tăng 169,61% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu đến từ việc Phải trả người bán đạt 6.587 triệu đồng và tăng 337,37% và phải trả người lao động đạt 6.775,83 triệu đồng và tăng 697,91%.

Điều này có thể cho thấy Công ty tận dụng phần lớn khoản phải trả để bổ sung vào chi phí duy trì hoạt động sản xuất trong một khoảng thời gian. Tuy nhiên, Công ty đã xem xét thận trọng hơn khi tận dụng nguồn vốn này nhằm tránh làm gia tăng rủi ro tài chính và giảm uy tín với nhà cung cấp trong tương lai.

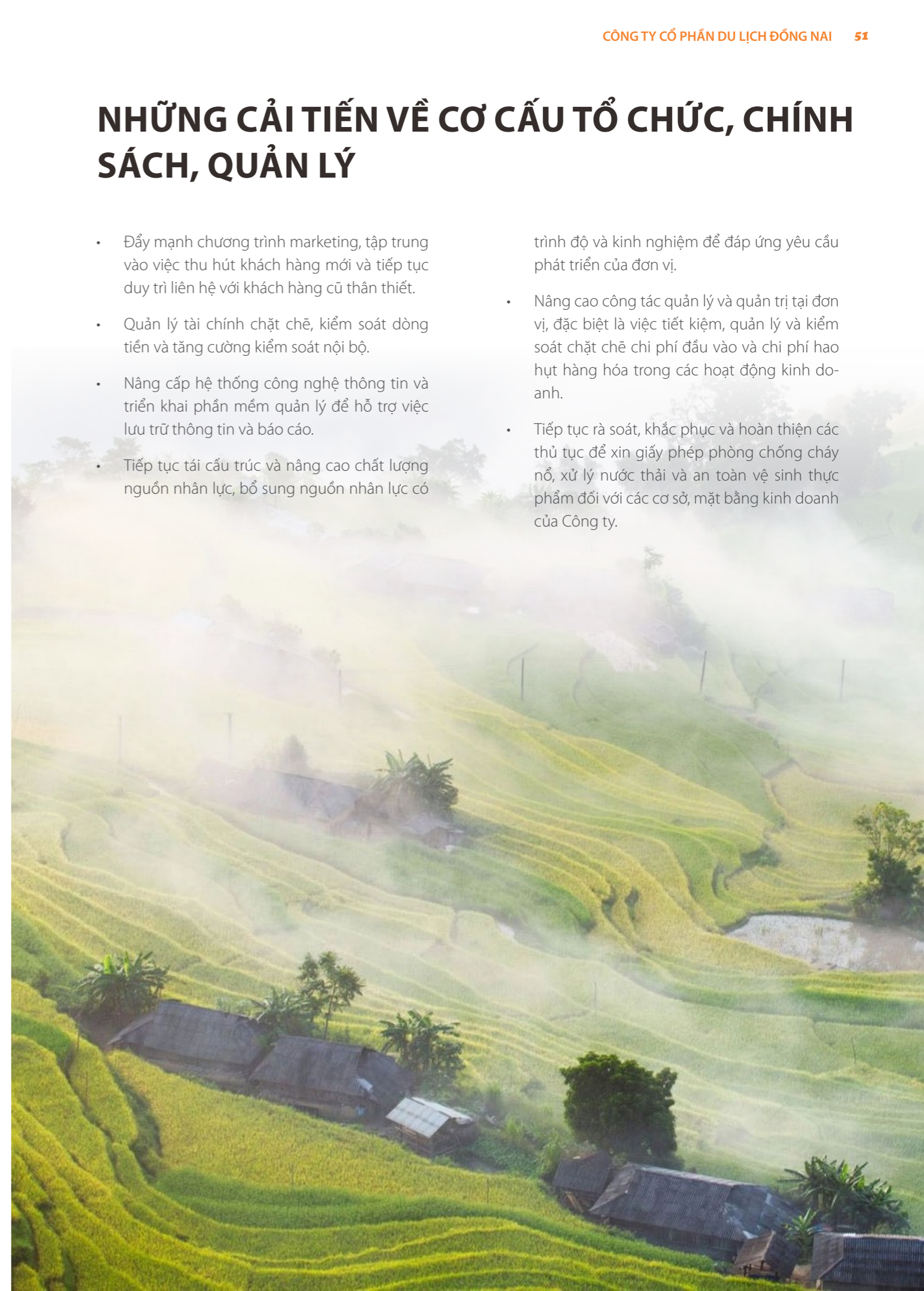


NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Đẩy mạnh chương trình marketing, tập trung vào việc thu hút khách hàng mới và tiếp tục duy trì liên hệ với khách hàng cũ thân thiết.
- Quản lý tài chính chặt chẽ, kiểm soát dòng tiền và tăng cường kiểm soát nội bộ.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và triển khai phần mềm quản lý để hỗ trợ việc lưu trữ thông tin và báo cáo.
- Tiếp tục tái cấu trúc và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bổ sung nguồn nhân lực có

trình độ và kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

- Nâng cao công tác quản lý và quản trị tại đơn vị, đặc biệt là việc tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào và chi phí hao hụt hàng hóa trong các hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục rà soát, khắc phục và hoàn thiện các thủ tục để xin giấy phép phòng chống cháy nổ, xử lý nước thải và an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở, mặt bằng kinh doanh của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng Doanh thu	250.000.000.000
2	Tổng chi phí	240.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	10.000.000.000
4	Cổ tức chi trả	5%

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Lĩnh vực khách sạn

Nâng cấp cơ sở vật chất phòng ngủ để nâng chất lượng dịch vụ, đặc biệt là khách sạn Hòa Bình.

Duy trì và chăm sóc khách hàng thường xuyên, khai thác thêm khách hàng mới. Xây dựng chính sách giá bán theo từng thời điểm trong năm.



Lĩnh vực nhà hàng

Xây dựng các chương trình khuyến mãi với nhiều tiện ích gia tăng, phù hợp theo từng mùa vụ trong năm.

Nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng món ăn, đảm bảo tính cạnh tranh cao.

Thường xuyên nghiên cứu và đổi mới trang trí sảnh tiệc, nghi thức tiệc.

Đội ngũ người lao động thường xuyên được đào tạo để nâng cao tay nghề. Công tác đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất thực hiện phù hợp với thị hiếu khách hàng.

Tăng cường khai thác tiệc ngoài, phục vụ tận nơi theo yêu cầu.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Lĩnh vực lữ hành

Tích cực tuyển dụng nhân sự có chất lượng đủ khả năng vừa điều hành tour vừa sales tour trực tiếp với khách hàng.

Xây dựng đội ngũ cộng tác viên sales tour, đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp.

Liên kết các đối tác để cùng nhau khai thác thế mạnh của nhau và mở rộng thị trường.

Tuân thủ nghiêm các quy trình điều hành tour tuyến để đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Lĩnh vực Thương mại

Tích cực nắm bắt kịp thời thông tin thị trường, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh đem lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

Công tác quản trị

Áp dụng quy chế trả lương thưởng của từng bộ phận, đơn vị căn cứ vào bảng đánh giá hiệu quả công việc của từng người gắn với hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị nhằm gia tăng năng suất lao động, hiệu quả làm việc.

Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt áp dụng riêng biệt cho từng đơn vị cơ sở tùy theo điều kiện kinh doanh của từng đơn vị để chọn phân khúc thị trường phù hợp để tiếp thị.

Áp dụng chính sách outsourcing để tận dụng nguồn lực bên ngoài và giảm thiểu chi phí công ty.

Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ lao động, quy hoạch, tuyển dụng nhân viên có tay nghề.

Công tác quản lý tài chính, sử dụng đồng vốn được giám sát chặt chẽ tránh lãng phí, nhất là chi phí đầu vào bao gồm nguyên vật liệu chế biến, mua sắm công cụ tài sản và chi phí XD/CB...

Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, nhất là khách hàng truyền thống của công ty. - Áp dụng tính ưu việt của hệ thống quản lý ISO 9001:2015 phù hợp với thực tế; thực hiện chương trình 5S.

Thực hiện tốt công tác truyền thông - marketing, tăng cường quảng bá chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao xây dựng văn hóa ứng xử trong tập thể người lao động, tạo sự đoàn kết tương trợ nhau, tạo ấn tượng với khách hàng.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội bền vững, không chỉ vì lợi nhuận của chính mình, mà còn để đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng. Tinh thần trách nhiệm và tình cảm với địa phương luôn được ưu tiên hàng đầu, khi Công ty tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện và từ thiện trong địa bàn.

Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thực hiện các chương trình từ thiện, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và giúp đỡ các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Chẳng hạn, Công ty khuyến khích CBCNV và người lao động đóng góp vào quỹ xã hội nội bộ để giúp đỡ các công nhân có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo và tham gia các hoạt động xã hội.

Ngoài ra, Công ty tham gia vào các chương trình giúp đỡ người nghèo, người tàn tật và đóng góp cho các chương trình từ thiện nhằm hỗ trợ các địa phương bị thiệt hại do các thiên tai, lũ lụt và đặc biệt là những khu vực khó khăn.

Tham gia các hoạt động từ thiện không chỉ là nghĩa vụ của một doanh nghiệp đối với cộng đồng, mà còn là trách nhiệm đạo đức và tình cảm của mỗi nhân viên trong công ty đối với xã hội và chính bản thân mình. Công ty cam kết tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm xã hội và đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương và cộng đồng, đồng thời thực hiện tốt vai trò của một doanh nghiệp trách nhiệm xã hội.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty xem việc bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng và cam kết tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Công ty không chỉ xem việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của từng cá nhân mà còn là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và tương lai của thế giới.

Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, bao gồm sử dụng tiết kiệm năng lượng và nguồn nước, xử lý chất thải một cách khoa học để hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Công ty tập trung vào việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ công nghệ tiên tiến để giảm thiểu lượng chất thải sinh ra và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên.

Để tiết kiệm năng lượng, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp như tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị và các thiết bị tiết kiệm điện năng. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tuyên truyền và giáo dục nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với việc quản lý chất thải, Công ty đã xây dựng các quy trình xử lý chất thải một cách khoa học và đảm bảo việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng cách. Công ty đã đầu tư vào các công nghệ tiên tiến để xử lý chất thải một cách an toàn và hiệu quả.

Công ty cũng chú trọng đến việc sử dụng nguồn nước và xử lý nước thải một cách hiệu quả. Công ty đã xây dựng các hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo chất lượng nước thải được xả ra đạt tiêu chuẩn và không gây ô nhiễm môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty rất quan tâm đến đời sống và phát triển năng lực của nhân viên. Vì vậy, công ty cố gắng xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân viên tài năng, đồng thời cung cấp cho họ các cơ hội phát triển và nâng cao năng lực. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng cho nhân viên theo đúng quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.

Chính sách về lương thưởng được thiết kế để đảm bảo tính công bằng và cân đối, đồng thời đảm bảo mức lương phù hợp với trình độ và năng lực của từng nhân viên. Ngoài ra, công ty cũng cam kết cung cấp các khoản phúc lợi như bảo hiểm, chế độ nghỉ phép và các chương trình giảm giá cho sản phẩm và dịch vụ của công ty để đem lại lợi ích tốt nhất cho nhân viên.

Công ty tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo và phát triển năng lực để giúp họ cải thiện kỹ năng và năng lực cá nhân. Các chương trình này bao gồm các khóa đào tạo nội bộ, chương trình học bổng và các khóa đào tạo bên ngoài. Công ty đảm bảo rằng nhân viên được đánh giá công bằng và thường xuyên nhận được sự đánh giá và phản hồi để cải thiện năng lực và đóng góp của mình cho công ty.

Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến tinh thần và môi trường làm việc của nhân viên bằng cách xây dựng môi trường làm việc thuận tiện và thân thiện. Sử dụng các công nghệ tiên tiến để cải thiện môi trường làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên trong việc làm việc và nâng cao chất lượng cuộc sống.

4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với mục tiêu cân bằng lợi ích giữa doanh nghiệp và trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, bên cạnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã kết hợp trong công tác định hướng, triển khai, đánh giá và phòng ngừa các rủi ro trong quá trình hoạt động. Ban điều hành đã được chỉ đạo để đáp ứng các chỉ tiêu được giao bởi Đại hội đồng cổ đông và bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư.

Công ty đã thực hiện một loạt các biện pháp để bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất và kinh doanh, bao gồm sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, giảm thiểu lượng chất thải sinh ra, tối ưu hóa quá trình sản xuất để giảm khí thải và đảm bảo an toàn

cho môi trường. Mặc dù đã có những cải tiến đáng kể, công ty vẫn nhận ra rằng cần có nhiều điểm cải thiện và phát triển hơn nữa. Do đó, công ty tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp cho xã hội, nhằm nâng cao ý thức của cộng đồng về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường.

Công ty cũng đang tìm kiếm và áp dụng các công nghệ mới, cải tiến quy trình sản xuất và quản lý, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của công ty và cam kết tiếp tục cải thiện và đóng góp cho môi trường và xã hội.

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ★ Với mục tiêu cân bằng lợi ích giữa doanh nghiệp và trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, bên cạnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã kết hợp trong công tác định hướng, triển khai, đánh giá và phòng ngừa các rủi ro trong quá trình hoạt động. Ban điều hành đã được chỉ đạo để đáp ứng các chỉ tiêu được giao bởi Đại hội đồng cổ đông và bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư.
- ★ Công ty đã thực hiện một loạt các biện pháp để bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất và kinh doanh, bao gồm sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, giảm thiểu lượng chất thải sinh ra, tối ưu hóa quá trình sản xuất để giảm khí thải và

đảm bảo an toàn cho môi trường. Mặc dù đã có những cải tiến đáng kể, công ty vẫn nhận ra rằng cần có nhiều điểm cải thiện và phát triển hơn nữa. Do đó, công ty tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp cho xã hội, nhằm nâng cao ý thức của cộng đồng về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường.

- ★ Công ty cũng đang tìm kiếm và áp dụng các công nghệ mới, cải tiến quy trình sản xuất và quản lý, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của công ty và cam kết tiếp tục cải thiện và đóng góp cho môi trường và xã hội.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Định hướng đầu tư kinh doanh trong thời gian tới, Hội đồng quản trị xin đề ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2023 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng Doanh thu	250.000.000.000
2	Tổng chi phí	240.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	10.000.000.000
4	Cổ tức chi trả	5%

Để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược thâm nhập thị trường: xây dựng đội ngũ nhân viên bán hàng và lực lượng cộng tác viên, tăng phí quảng cáo, xây dựng các chương trình, các sản phẩm khuyến mãi. Đồng thời xây dựng một chiến lược marketing khoa học phù hợp ngành dịch vụ ăn uống, lữ hành. Cùng với đó xây dựng chính sách giá thành hấp dẫn phù hợp từng thời điểm, từng loại thị trường.

Tiếp tục phát triển sản phẩm mới và sản phẩm khác biệt: nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ

cùng đẳng cấp. Trong đó chú trọng khác biệt về chất lượng, hình thức trình bày, dịch vụ bổ sung, cơ sở vật chất cung cấp dịch vụ và văn hóa của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó Công ty cũng sẽ áp dụng các giải pháp để kích thích gia tăng năng suất lao động, phát huy sáng kiến cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ, củng cố và nâng cao tay nghề người lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị, đảm bảo bộ máy tinh, gọn, nhẹ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai hoạt động với 5 thành viên gồm 1 Chủ tịch HĐQT và 4 thành viên HĐQT. Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp để luôn bám sát tình hình hoạt động diễn ra trong năm của công ty, đồng thời phối hợp với nhau để giải quyết các vấn đề mà công ty đang gặp khó khăn nhằm đảm bảo hoạt động công ty diễn ra suôn sẻ, ổn định, hoàn thành kế hoạch đã đặt ra.

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Hồ Lê Hồng Châu	Chủ tịch HĐQT	2.220.000	29,77%
2	Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	2.221.000	30,50%
3	Nguyễn Minh Thúc	Phó Chủ tịch HĐQT	910.150	12,20%
4	Ôn Văn Phước	Thành viên HĐQT	2.250	0,035%
5	Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	900.150	12,07%
6	Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	1.219.500	16,35%
7	Huỳnh Văn Minh	Thành viên HĐQT	14.100	0,19%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hồ Lê Hồng Châu	Chủ tịch HĐQT	06/09	66,7%	Bỏ nhiệm 15/03/2022
2	Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	03/09	33,4%	Miễn nhiệm 15/03/2022
3	Nguyễn Minh Thúc	Thành viên HĐQT	05/09	55,6%	Miễn nhiệm 31/05/2022
4	Ôn Văn Phước	Thành viên HĐQT	03/09	33,4%	Miễn nhiệm 15/03/2022
5	Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	09/09	100%	
6	Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	09/09	100%	
7	Huỳnh Văn Minh	Thành viên HĐQT	06/09	66,7%	Bỏ nhiệm 15/03/2022

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm.

Thông qua các cuộc họp HĐQT trong năm 2022 (thường kỳ và bất thường), HĐQT đã thảo luận và rà soát các hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2022 nhằm hướng đến việc hoàn thành mục tiêu, chiến lược do Đại hội đồng cổ đông

thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2022.

Phối hợp với Ban kiểm soát thông qua các báo cáo đánh giá phân tích rủi ro và phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động điều hành.

Kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát nhằm kịp thời kiểm tra, đánh giá tình hình thực tế qua đó đóng góp ý kiến cho Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	04/DLĐN/HĐQT-NQ	05/01/2022	Thông nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
2	16/DLĐN/HĐQT-NQ	15/02/2022	Thông nhất đơn xin từ nhiệm Chủ tịch HĐQT của Ông Nguyễn Hồng Quân
3	24/DLĐN/HĐQT-NQ	12/03/2022	Thông nhất báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và đề cử nhân sự tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2025
4	28/DLĐN/HĐQT-NQ	01/04/2022	Thông nhất tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự quản lý
5	40/DLĐN/HĐQT-NQ	20/04/2022	Thông nhất đề cử nhân sự tham gia HĐQT, Ban kiểm soát tại công ty liên kết
6	80/DLĐN/HĐQT-NQ	01/9/2022	Thông nhất kết quả SXKD 07 tháng đầu năm, tổ chức cho CB-CNLĐ tham quan nghỉ dưỡng trong năm 2022, và một số vấn đề khác
7	99/DLĐN/HĐQT-NQ	07/12/2022	Thông nhất kết quả SXKD 10 tháng đầu năm, chọn Công ty Kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chi tạm ứng cổ tức năm 2022
8	107/DLĐN/HĐQT-NQ	23/12/2022	Về việc chi tạm ứng cổ tức năm 2022
9	114/DLĐN/HĐQT-NQ	31/12/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu nhận tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2022

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: Không có

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng BKS	-	0%
2	Phạm Văn Tâm	Thành viên BKS	750	0,01%
3	Tổng Duy Khương	Thành viên BKS	900.000	12,065%

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện và kế hoạch đề ra trong Nghị quyết bao gồm kết quả kinh doanh, tiến độ đầu tư, phân phối lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS.

- Giám sát tình hình tài chính năm 2022: BKS đã rà soát, phân tích các thông tin và số liệu trên báo cáo tài chính hàng quý kết hợp trao đổi với Kiểm toán độc lập để kịp thời cập nhật, phân tích các kết quả soát xét/kiểm toán cũng như các biến động của khoản mục trên báo cáo tài chính

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2022, BKS đã tham dự các cuộc họp quan trọng HĐQT, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban lãnh đạo trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt tại đại hội thường niên 2022.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cuộc họp tham dự	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Phạm Văn Tâm	Thành viên BKS	4/4	100%	
3	Tổng Duy Khương	Thành viên BKS	4/4	100%	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO

Đơn vị: đồng/người/năm

Thành viên	Chức vụ	Tổng lương, thưởng, thù lao
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	8.500.000
Hồ Lê Hồng Châu	Chủ tịch HĐQT	267.444.444
Nguyễn Minh Thức	Thành viên HĐQT	15.000.000
Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	36.000.000
Phạm Đức Bình	Thành viên HĐQT	36.000.000
Ôn Văn Phước	Thành viên HĐQT	7.500.000
Huỳnh Văn Minh	Thành viên HĐQT	28.500.000
BAN GIÁM ĐỐC		
Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc	330.845.154
Nguyễn Thanh Tâm	Phó Giám đốc	174.336.752
Ôn Văn Phước	Kế toán trưởng	221.250.000
BAN KIỂM SOÁT		
Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban	167.130.129
Phạm Văn Tâm	Thành viên	30.000.000
Tổng Duy Khương	Thành viên	30.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
						107/DLDN/ HĐQT-NQ	Trả cổ tức 2.460.000.000
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ	Số CNĐKDN: 3602230616 Cấp ngày 11/02/2010 tại Sở KH và ĐT tỉnh Đồng Nai	KP 4, đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Trong năm 2022	35/DLDN/ HĐQT-NQ	Bán hàng 1.261.944.608
						35/DLDN/ HĐQT-NQ	Cung cấp dịch vụ 695.246.295

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai luôn chú trọng trong việc xây dựng cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch, đồng thời hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để tăng cường công tác quản trị nội bộ phục vụ cho công tác quản lý và điều hành công ty. Công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật, quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định. Ngoài ra, Công ty thực hiện hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở cho hoạt động thường xuyên của toàn công ty, bao gồm: quy chế tài chính, quy chế quản lý người đại diện tại doanh nghiệp khác, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc... Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty trên cơ sở kế hoạch đề ra và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, nhằm theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty, cổ đông và các bên liên quan.

Ngoài ra, Donatours luôn tăng cường nâng cao kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2022





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2023, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẶC NHA
Phụ Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2023-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.147.117.332	37.623.730.954
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.322.187.528	5.655.774.032
Tiền	111		9.275.193.694	4.647.857.349
Các khoản tương đương tiền	112		2.046.993.834	1.007.916.683
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.955.602.030	24.380.382.352
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	43.955.602.030	24.380.382.352
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.248.468.761	3.860.048.746
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.444.695.230	1.748.260.257
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	399.719.107	815.816.753
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.404.054.424	1.295.971.736
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		5.321.191.713	3.535.717.329
Hàng tồn kho	141	5.6	5.321.191.713	3.535.717.329
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.299.667.300	191.808.495
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	310.927.063	168.136.395
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	23.672.100
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	988.740.237	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.249.084.850	50.045.674.745
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.978.130.000	3.856.274.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	3.978.130.000	3.856.274.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		29.165.561.301	27.055.138.021
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	25.740.943.301	23.627.520.021
Nguyên giá	222		105.892.958.387	100.259.690.700
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.152.015.086)	(76.632.170.679)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.424.618.000	3.427.618.000
Nguyên giá	228		3.742.097.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(317.479.750)	(314.479.750)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		143.463.011	2.967.260.374
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	143.463.011	2.967.260.374
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.174.035.903	11.240.321.434
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2.2	1.695.200.000	1.695.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.2	1.901.250.000	1.901.250.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2.2	(422.414.097)	(356.128.566)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2.1	-	8.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.787.894.635	4.926.680.916
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	3.787.894.635	4.926.680.916
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.396.202.182	87.669.405.699

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		29.113.677.550	13.538.086.236
Nợ ngắn hạn	310		28.441.077.550	11.207.291.898
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	6.587.808.329	1.506.242.940
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.305.383.307	2.622.101.813
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.372.535.556	3.300.000
Phải trả người lao động	314	5.14	6.775.829.863	1.507.336.024
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	403.511.807	148.672.712
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	150.000.000	169.373.833
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	4.029.648.088	920.356.790
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	3.493.424.800
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	5.816.360.600	836.482.986
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		672.600.000	2.330.794.338
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	672.600.000	591.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	-	1.739.194.338
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.282.524.632	74.131.319.463
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	78.282.524.632	74.131.319.463
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.902.986.715	5.902.986.715
Cổ phiếu quỹ	415		(2.506.253.750)	(2.506.253.750)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		289.041.667	(3.862.163.502)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.862.163.502)	672.006.591
LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.151.205.169	(4.534.170.093)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.396.202.182	87.669.405.699


ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN
Người lập biểu


ÔN VĂN PHƯỚC
Kế toán trưởng





HUỲNH QUỐC BẢO
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		270.110.621.385	118.778.362.919
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	270.110.621.385	118.778.362.919
Giá vốn hàng bán	11	6.2	202.362.606.201	94.619.428.457
Lợi nhuận gộp	20		67.748.015.184	24.158.934.462
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.705.424.243	2.944.452.888
Chi phí tài chính	22	6.4	123.381.567	100.106.411
Trong đó: chi phí lãi vay	23		57.096.036	11.342.180
Chi phí bán hàng	25	6.5	48.734.352.578	28.041.057.787
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.321.308.592	3.979.649.569
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		12.274.396.690	(5.017.426.417)
Thu nhập khác	31	6.7	2.663.487.065	701.311.456
Chi phí khác	32	6.8	451.620.517	218.055.132
Lợi nhuận khác	40		2.211.866.548	483.256.324
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.486.263.238	(4.534.170.093)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.650.873.101	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.835.390.137	(4.534.170.093)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.070	(623)


ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN
Người lập biểu


ÔN VĂN PHƯỚC
Kế toán trưởng



HUỲNH QUỐC BẢO
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	14.486.263.238	(4.534.170.093)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.612.333.072	3.838.574.212
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(1.672.908.807)	(184.252.584)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(666.151)	339.315
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.467.137.575)	(2.944.452.888)
Chi phí lãi vay	06	57.096.036	11.342.180
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	14.014.979.813	(3.812.619.858)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.492.740.152)	718.301.610
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.785.474.384)	201.386.211
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	12.672.022.253	(5.000.414.904)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	995.995.613	1.851.680.183
Tiền lãi vay đã trả	14	(57.096.036)	(11.342.180)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.200.000.000)	(880.082.767)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	18.806.617
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(971.096.620)	(6.440.204.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.176.590.487	(13.354.489.449)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.136.579.506)	(3.105.946.817)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	2.912.559.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.608.197.992)	(24.231.444.001)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	16.032.978.314	33.141.259.441
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.722.154.092	3.260.888.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.989.645.092)	11.977.316.518
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	7.297.223.400
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.493.424.800)	(3.803.798.600)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.773.250)	(5.765.008.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.521.198.050)	(2.271.583.950)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	5.665.747.345	(3.648.756.881)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	5.655.774.032	9.304.870.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	666.151	(339.315)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	11.322.187.528	5.655.774.032


ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN

Người lập biểu


ÔN VĂN PHƯỚC

Kê toán trưởng



HUYNH QUỐC BẢO

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 1 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000307 ngày 17 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, và lần gần nhất là lần thay đổi thứ bảy ngày 15 tháng 11 năm 2022 về thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo Quyết định 63/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu Phổ thông
- Số lượng chứng khoán đăng ký : 7.459.675 Cổ phiếu
- Mã chứng khoán : DNT
- Tổng giá trị : 74.596.750.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

Trong năm 2022, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán buôn đồ uống, du lịch, nhà hàng, khách sạn.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1)	Khách sạn Hòa Bình – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	06, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
2)	Trung tâm dịch vụ lữ hành – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
3)	Khách sạn Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	57, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
4)	Trung tâm thương mại tổng hợp – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh công nghệ phẩm.
5)	Nhà hàng Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	33, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
6)	Nhà hàng Sen Vàng – CN Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 188 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 169 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-33 năm
Máy móc và thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 288, tờ bản đồ số 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 278,1 m², nguyên giá là 3.353.886.000 VND, thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại thửa số 158, tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 25 m², nguyên giá là 150.000.000 VND (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) Công ty tạm trích khấu hao là 50 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2022 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ.

4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả đã ghi các năm trước là dự phòng trợ cấp thôi việc. Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng phải trả này theo quy định hiện hành.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh An	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Bên có liên quan của Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt		
+ VND	2.210.176.049	658.521.219
+ USD	6.708.891	6.487.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	7.045.537.280	3.969.899.468
+ USD	12.771.474	12.948.722
Các khoản tương đương tiền - VND (*)	2.046.993.834	1.007.916.683
	11.322.187.528	5.655.774.032

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi dưới 3 tháng, lãi suất tiền gửi 6%/năm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt lớn quỹ – USD	286,95	6.708.891
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	545,54	12.771.474

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	43.955.602.030	43.955.602.030	24.380.382.352	24.380.382.352
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
	43.955.602.030	43.955.602.030	32.380.382.352	32.380.382.352

(*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, kỳ hạn gửi từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 5,7%/năm đến 9,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư vào công ty liên kết	1.695.200.000	-	1.695.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	1.695.200.000	422.414.097	(*)	1.695.200.000	356.128.566	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.901.250.000	-	1.901.250.000	-	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	126.250.000	-	(*)	126.250.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	1.575.000.000	-	(*)	1.575.000.000	-	(*)
	3.596.450.000	422.414.097		3.596.450.000	356.128.566	

Thông tin chi tiết của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01A Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh thực phẩm tươi sống, cung cấp suất ăn công nghiệp	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, P.Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Mua bán rượu bia, nước giải khát, ăn uống	0,15%	0,15%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đường 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	3,94%	3,94%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tại ngày đầu năm	356.128.566	267.703.650
Trích lập dự phòng trong năm	66.285.531	88.424.916
Tại ngày cuối năm	422.414.097	356.128.566

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu các bên liên quan	1.482.051.999	468.686.999
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	1.482.051.999	468.686.999
Phải thu các khách hàng khác	1.962.643.231	1.279.573.258
Công ty cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	-	210.247.784
Các khách hàng khác	1.962.643.231	1.069.325.474
	3.444.695.230	1.748.260.257

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Hàng không Tre Việt	163.457.322	41.313.322
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	120.002.444	75.448.644
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Kiến Trúc Mới	92.592.593	-
Công ty TNHH MTV Quảng cáo Ngọc Túng	-	636.363.636
Các nhà cung cấp khác	23.666.748	62.691.151
	399.719.107	815.816.753

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về lãi tiền gửi	948.386.802	-	965.782.802	-
Phải thu tiền vé máy bay	347.588.259	-	201.627.179	-
Tạm ứng	105.000.000	-	123.500.000	-
Bảo hiểm y tế	-	-	2.356.575	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	422.480	-
Kinh phí công đoàn	-	-	229.700	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.079.363	-	2.053.000	-
	1.404.054.424	-	1.295.971.736	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký cược, ký quỹ	3.978.130.000	-	3.856.274.000	-
	3.978.130.000	-	3.856.274.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	462.974.348	-	239.379.727	-
Công cụ, dụng cụ	441.663.685	-	888.763.087	-
Hàng hóa	4.416.553.680	-	2.407.574.515	-
	5.321.191.713	-	3.535.717.329	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	283.096.116	55.631.952
Chi phí bảo hiểm	2.450.500	41.797.408
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	17.936.603	17.014.725
Phần mềm quản lý	750.000	8.083.336
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.693.844	45.608.974
	310.927.063	168.136.395

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	880.156.925	2.537.138.212
Chi phí sửa chữa lớn nhà hàng, khách sạn chờ phân bổ	2.536.667.439	1.830.396.330
Các chi phí trả trước dài hạn khác	371.070.271	559.146.374
	3.787.894.635	4.926.680.916

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	76.150.047.203	17.526.011.996	6.345.739.025	237.892.476	100.259.690.700
Mua sắm trong năm	-	324.318.182	-	-	324.318.182
Tăng từ XDCB	3.288.019.288	2.174.339.308	-	-	5.462.358.596
Giảm khác (*)	(153.409.091)	-	-	-	(153.409.091)
Tại ngày 31/12/2022	79.284.657.400	20.024.669.486	6.345.739.025	237.892.476	105.892.958.387

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại ngày 01/01/2022	54.350.096.129	16.138.828.638	5.920.520.101	222.725.811	76.632.170.679
Khấu hao trong năm	2.317.491.832	1.097.885.728	182.580.508	11.375.004	3.609.333.072
Giảm khác (*)	(89.488.665)	-	-	-	(89.488.665)
Tại ngày 31/12/2022	56.578.099.296	17.236.714.366	6.103.100.609	234.100.815	80.152.015.086

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2022	21.799.951.074	1.387.183.358	425.218.924	15.166.665	23.627.520.021
Tại ngày 31/12/2022	22.706.558.104	2.787.955.120	242.638.416	3.791.661	25.740.943.301

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2022	20.081.092.406	11.938.061.420	4.197.486.299	181.017.482	36.397.657.607
Tại ngày 31/12/2022	20.687.746.224	14.805.268.140	5.368.568.117	181.017.482	41.042.599.963

(*) Giảm khác do tài sản nằm trên phần đất bị thu hồi theo Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 18/07/2019 và chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai số 1740/UBND-KTN ngày 21/02/2022 về việc bàn giao khu đất tại xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
Tại ngày 31/12/2022	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	76.268.000	238.211.750	314.479.750
Khấu hao trong năm	3.000.000	-	3.000.000
Tại ngày 31/12/2022	79.268.000	238.211.750	317.479.750
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	3.427.618.000	-	3.427.618.000
Tại ngày 31/12/2022	3.424.618.000	-	3.424.618.000
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>			
Tại ngày 01/01/2022	-	238.211.750	238.211.750
Tại ngày 31/12/2022	-	238.211.750	238.211.750

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2022 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ VND	Kết chuyển vào chi phí VND	31/12/2022 VND
Xây dựng cơ bản dở dang					
Công trình mở rộng khách sạn Hòa Bình	206.145.011	-	-	(62.682.000)	143.463.011
Công trình xây dựng Khách sạn Nhơn Trạch	111.018.091	-	-	(111.018.091)	-
Sửa chữa Khách sạn Đồng Nai	2.650.097.272	2.812.261.324	(5.462.358.596)	-	-
	2.967.260.374	2.812.261.324	(5.462.358.596)	(173.700.091)	143.463.011

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Bia và nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.340.323.374	2.340.323.374	590.862.738	590.862.738
Cơ sở hải sản Trần Thị Chi	594.995.624	594.995.624	66.721.693	66.721.693
Cơ sở Hải sản Hưng Huy Phát	380.272.930	380.272.930	5.003.000	5.003.000
Ông Lê Thanh Chiến	233.110.844	233.110.844	32.314.800	32.314.800
Bà Nguyễn Thị Dung	409.634.586	409.634.586	66.824.500	66.824.500
Các nhà cung cấp khác	2.629.470.971	2.629.470.971	744.516.209	744.516.209
	6.587.808.329	6.587.808.329	1.506.242.940	1.506.242.940

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Khách hàng đặt cọc tiệc	2.619.227.300	2.088.854.800
Các khách hàng khác	686.156.007	533.247.013
	3.305.383.307	2.622.101.813

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2022	Số phát sinh trong năm		31/12/2022
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.969.607.225	(6.055.967.998)	913.639.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.650.873.101	(1.200.000.000)	450.873.101
Thuế thu nhập cá nhân	3.300.000	51.923.078	(47.199.850)	8.023.228
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.307.060.552	(3.295.800.789)	-
Lệ phí môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	3.300.000	10.988.463.956	(10.607.968.637)	1.372.535.556
				988.740.237

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.486.263.238	(4.534.170.093)
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	742.300.091	543.985.131
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.739.860.489)	(272.677.500)
Thu nhập chịu thuế	13.488.702.840	(4.262.862.462)
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(441.343.625)	(530.131.250)
Lỗ các năm trước được chuyển	(4.792.993.712)	-
Thu nhập tính thuế	8.254.365.503	(4.792.993.712)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.650.873.101	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định pháp luật.

5.14 Phải trả người lao động

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ lương còn phải trả	6.775.829.863	1.507.336.024
	6.775.829.863	1.507.336.024

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Phải trả tiền điện, nước, điện thoại	371.761.807	106.490.894
Chi phí phải trả dịch vụ mua ngoài	31.750.000	42.181.818
	403.511.807	148.672.712

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	150.000.000	169.373.833
	150.000.000	169.373.833

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long – cổ tức	2.460.000.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả	1.226.588.750	73.899.500
Tiền vé máy bay phải trả cho Vietnam Airlines	343.059.338	90.632.515
Bảo hiểm xã hội	-	751.080.275
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	4.744.500
	4.029.648.088	920.356.790

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	672.600.000	591.600.000
	672.600.000	591.600.000

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	-	3.493.424.800	3.493.424.800
	-	-	3.493.424.800	3.493.424.800

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2022 VND	Vay trong năm VND	Trả trong năm VND	31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt nam – Chi nhánh Đồng Nai	3.493.424.800	-	3.493.424.800	-
	3.493.424.800	-	3.493.424.800	-

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2022 VND	Trích quỹ trong năm VND	Tăng (giảm) khác VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2022 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	457.210.552	5.043.722.468	1.286.524.200	971.096.620	5.816.360.600
Quỹ thưởng Ban điều hành	379.272.434	-	(379.272.434)	-	-
	836.482.986	5.043.722.468	907.251.766	971.096.620	5.816.360.600

5.20 Dự phòng phải trả dài hạn

	01/01/2022 VND	Chi trả trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	31/12/2022 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.739.194.338	(180.599.349)	(1.558.594.989)	-
	1.739.194.338	(180.599.349)	(1.558.594.989)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.21 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2021					
Tại ngày 01/01/2021	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	2.880.994.093	80.874.477.058
Lỗ trong năm	-	-	-	(4.534.170.093)	(4.534.170.093)
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(2.184.277.500)	(2.184.277.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	-	-	-	(24.710.002)	(24.710.002)
Tại ngày 31/12/2021	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	(3.862.163.502)	74.131.319.463
Năm 2022					
Tại ngày 01/01/2022	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	(3.862.163.502)	74.131.319.463
Lãi trong năm	-	-	-	12.835.390.137	12.835.390.137
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	-	-	-	(3.640.462.500)	(3.640.462.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	-	-	-	(5.043.722.468)	(5.043.722.468)
Tại ngày 31/12/2022	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	289.041.667	78.282.524.632

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	49.200.000.000	65,95	49.200.000.000	65,95
Công ty TNHH Thanh Bình	12.195.000.000	16,35	12.195.000.000	16,35
Bà Huỳnh Thị Bích Phượng	7.942.500.000	10,65	7.942.500.000	10,65
Các cổ đông khác	3.471.750.000	4,65	3.471.750.000	4,65
Cổ phiếu quỹ được mua lại	1.787.500.000	2,40	1.787.500.000	2,40
	74.596.750.000	100,00	74.596.750.000	100,00

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.459.675	7.459.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu phổ thông	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	178.750	178.750
- Cổ phiếu phổ thông	178.750	178.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu phổ thông	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

5.21.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2022, Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 107/DLĐN/HĐQT-NQ ngày 23 tháng 12 năm 2022 như sau:

	VND
• Tạm ứng cổ tức 5%/ mệnh giá	: 3.640.462.500
• Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ I NCPP năm 2022	: 5.043.722.468

5.22 Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Dollar Mỹ (USD)	832,49	858,89

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI
105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	270.110.621.385	118.778.362.919
	270.110.621.385	118.778.362.919

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Bửu Long		
- Bán hàng	1.261.944.608	464.101.820
- Cung cấp dịch vụ	695.246.295	-
	1.957.190.903	464.101.820

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	202.362.606.201	94.619.428.457
	202.362.606.201	94.619.428.457

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.263.414.467	2.414.321.638
Cổ tức, lợi nhuận được chia	441.343.625	530.131.250
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục có gốc tiền tệ	666.151	-
	2.705.424.243	2.944.452.888

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	57.096.036	11.342.180
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	66.285.531	88.424.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục có gốc tiền tệ	-	339.315
	123.381.567	100.106.411

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	29.457.376.002	14.782.596.391
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	603.093.601	1.812.636.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.516.463.844	3.422.525.387
Thuế, phí và lệ phí	2.192.690.277	1.746.051.871
Chi phí điện nước, điện thoại, vật tư, công cụ dụng cụ, sửa chữa bảo trì	7.360.749.201	4.865.406.152
Chi phí bán hàng khác	5.603.979.653	1.411.841.243
	48.734.352.578	28.041.057.787

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	7.730.535.435	2.759.654.429
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.573.212	49.334.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.869.228	146.516.969
Thuế, phí và lệ phí	149.140.331	165.910.546
Chi phí điện thoại, vận chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa	86.816.529	269.607.882
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.181.373.857	588.625.250
	9.321.308.592	3.979.649.569

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hoàn nhập dự phòng quỹ trợ cấp thôi việc	1.558.594.989	-
Thu nhập từ các khoản chiết khấu, hỗ trợ	624.066.885	310.950.294
Thu nhập từ tiền cọc hợp đồng	326.000.000	32.000.000
Lãi từ khoản thế chấp, ký cược	113.163.581	-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	-	349.606.178
Thu nhập khác	41.661.610	8.754.984
	2.663.487.065	701.311.456

6.8 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Xóa sổ tài sản	63.920.426	-
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản	173.700.091	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	7.000.000	2.429.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	215.625.485
Chi phí khác	207.000.000	-
	451.620.517	218.055.132

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.835.390.137	(4.534.170.093)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.043.722.468)	-
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.791.667.669	(4.534.170.093)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.280.925	7.280.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.070	(623)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.280.925	7.280.925
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.280.925	7.280.925

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí mua hàng hóa	142.420.118.737	79.527.611.905
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.864.398.394	15.932.489.761
Chi phí nhân công	37.587.870.880	16.966.181.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.612.333.072	3.838.574.212
Chi phí khác	36.933.546.288	9.932.764.600
	260.418.267.371	126.197.622.437

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay	-	7.297.223.400
	-	7.297.223.400

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.493.424.800	3.803.798.600
	3.493.424.800	3.803.798.600

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Phải trả người bán	6.587.808.329	-	6.587.808.329
Chi phí phải trả	403.511.807	-	403.511.807
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.029.648.088	672.600.000	4.702.248.088
	11.020.968.224	672.600.000	11.693.568.224
Ngày 01 tháng 01 năm 2022			
Các khoản vay	3.493.424.800	-	3.493.424.800
Phải trả người bán	1.506.242.940	-	1.506.242.940
Chi phí phải trả	148.672.712	-	148.672.712
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.276.515	591.600.000	760.876.515
	5.317.616.967	591.600.000	5.909.216.967

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022:

- Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.18; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.955.602.030	32.380.382.352	43.955.602.030	32.380.382.352
Phải thu khách hàng	3.444.695.230	1.748.260.257	3.444.695.230	1.748.260.257
Phải thu khác	5.277.184.424	5.025.736.981	5.277.184.424	5.025.736.981
Đầu tư dài hạn	1.901.250.000	1.901.250.000	1.901.250.000	1.901.250.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.322.187.528	5.655.774.032	11.322.187.528	5.655.774.032
	65.900.919.212	46.711.403.622	65.900.919.212	46.711.403.622
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	3.493.424.800	-	3.493.424.800
Phải trả người bán	6.587.808.329	1.506.242.940	6.587.808.329	1.506.242.940
Chi phí phải trả	403.511.807	148.672.712	403.511.807	148.672.712
Các khoản phải trả khác	4.702.248.088	760.876.515	4.702.248.088	760.876.515
	11.693.568.224	5.909.216.967	11.693.568.224	5.909.216.967

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.388.507.479	1.230.431.228
	1.388.507.479	1.230.431.228

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết khoản thu nhập thù lao

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	
Lương				
Huỳnh Quốc Bảo	Giám đốc	330.846.154	199.782.051	
Nguyễn Thanh Tâm	Phó Giám đốc	174.336.752	-	Bổ nhiệm 01/04/2022
Ôn Văn Phước	Kế toán trưởng	221.250.000	106.068.322	
Đặng Thị Tô Ngân	Kế toán trưởng	-	182.000.000	Miễn nhiệm 17/12/2021
Nguyễn Minh Thức	Giám đốc	-	249.380.342	Miễn nhiệm 20/06/2022
Nguyễn Văn An	Phó Giám đốc	-	114.900.000	Miễn nhiệm 21/06/2021
Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban Kiểm soát	167.130.129	123.300.513	
Thù lao				
Tổng Duy Khương	TV. Kiểm soát	30.000.000	30.000.000	
Phạm Văn Tâm	TV. Kiểm soát	30.000.000	30.000.000	
Hồ Lê Hồng Châu	Chủ tịch	267.444.444	-	Bổ nhiệm 12/03/2022
Huỳnh Văn Minh	Thành viên	28.500.000	-	Bổ nhiệm 12/03/2022
Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch	8.500.000	48.000.000	Miễn nhiệm 28/01/2022
Nguyễn Minh Thức	Thành viên	15.000.000	39.000.000	Miễn nhiệm 31/05/2022
Nguyễn Văn An	Thành viên	-	18.000.000	
Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên	36.000.000	36.000.000	
Phạm Đức Bình	Thành viên	36.000.000	36.000.000	
Ôn Văn Phước	Thành viên	7.500.000	18.000.000	Miễn nhiệm 15/03/2022
Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban Kiểm soát	36.000.000	-	
		1.388.507.479	1.230.431.228	

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long		
- Bán hàng	1.261.944.608	464.101.820
- Cung cấp dịch vụ	695.246.295	-
- Chia cổ tức	2.460.000.000	1.476.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.17.1.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

9.2 Số liệu so sánh

Công ty xác định lại quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 24/DLĐN/HĐQT-NQ ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Công ty. Việc xác định lại này Ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh 31/12/2021 VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh 31/12/2021 VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải trả người lao động	314	849.197.163	658.138.861	1.507.336.024	(I)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.204.024.641)	(658.138.861)	(3.862.163.502)	
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a	672.006.591	-	672.006.591	
LNST chưa phân phối năm nay	421b	(3.876.031.232)	(658.138.861)	(4.534.170.093)	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.321.510.708	658.138.861	3.979.649.569	(II)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.876.031.232)	(658.138.861)	(4.534.170.093)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	70	(532)	(90)	(623)	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	(3.876.031.232)	(658.138.861)	(4.534.170.093)	(III)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(5.658.553.765)	658.138.861	(5.000.414.904)	

- (i) Chỉ tiêu phải trả người lao động (314) thay đổi do điều chỉnh tăng chi phí nhân viên 658.138.861 VND dẫn đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421) giảm từ (3.204.024.641) VND xuống (3.862.163.502) VND.
- (ii) Chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp (26) tăng do tăng chi phí nhân viên năm 2021 658.138.861 VND dẫn đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60) giảm từ (3.876.031.232) VND xuống (4.534.170.093) VND khiến cho lãi cơ bản trên cổ phiếu (70) của năm 2021 giảm từ (532) VND/Cổ phiếu xuống (623) VND/Cổ phiếu.
- (iii) Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế (01) và chỉ tiêu Tăng/(giảm) các khoản phải trả (11) thay đổi do điều chỉnh tăng chi phí nhân viên 658.138.861 VND.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


ĐẶNG THỊ TỐ NGÂN Người lập
ÔN VĂN PHƯỚC Kế toán trưởng

HUYNH QUỐC BẢO Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI, DN: C=VN, S=ĐỒNG NAI, L=TP.Biên Hòa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600276414
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.03.30 13:56:40+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

2022 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Giám đốc



Huỳnh Quốc Bảo